

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHÙNG ANH QUỐC

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY HỢP DANH THEO PHÁP LUẬT  
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, năm 2017**

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

**PHÙNG ANH QUỐC**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY HỢP DANH THEO PHÁP LUẬT  
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

**Mã số: 60.38.01.07**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC MINH**

**HÀ NỘI, năm 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu và kết luận nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực và chưa được ai sử dụng trong bất kỳ công trình luận văn nào trước đây.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả

Phùng Anh Quốc

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY HỢP DANH</b> .....	6
1.1. Khái quát chung về công ty hợp danh theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam .....	6
1.2. Khái niệm tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh.....	13
1.3. Mô hình tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh.....	15
1.4. Nội dung chế định pháp luật về công ty hợp danh.....	25
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY HỢP DANH Ở NƯỚC TA</b> .....	32
2.1. Thực trạng pháp luật về tổ chức của công ty hợp danh .....	32
2.2. Thực trạng pháp luật về hoạt động của công ty hợp danh .....	39
<b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY HỢP DANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM</b> .....	54
3.1. Quan điểm, yêu cầu đối với tổ chức hoạt động của công ty hợp danh....	54
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức của công ty hợp danh .....	61
3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động của công ty hợp danh .....	69
<b>KẾT LUẬN</b> .....	77
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BLDS	: Bộ Luật Dân sự
CTCP	: Công ty cổ phần
CTLHD	: Công ty luật hợp danh
CTHD	: Công ty hợp danh
GĐ	: Giám đốc
HĐTV	: Hội đồng thành viên
LDN	: Luật Doanh nghiệp
TVGV	: Thành viên góp vốn
TVHD	: Thành viên hợp danh
TGD	: Tổng giám đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiến pháp 2013 ghi nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Mặc dù Đảng và Nhà nước chủ trương ưu tiên phát triển các thành phần kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, song tốc độ tăng trưởng của hai thành phần này lại thấp hơn so với kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục thống kê năm 2016, kinh tế nhà nước mặc dù chiếm một phần lớn trong tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội nhưng chỉ đóng góp 37,6% GDP thực tế, trong khi đó khu vực kinh tế tư nhân là 39%, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 23.4% [37]. Sự đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, một khu vực kinh tế được đánh giá là trẻ trung và năng động đã khiến cho các nhà hoạch định chính sách nói chung và chính sách pháp luật nói riêng phải gấp rút hoàn thiện chính sách của mình.

Nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới thì môi trường pháp lý vô cùng quan trọng. Chính vì vậy việc liên tục hoàn thiện chính sách pháp luật kinh tế, trong đó có pháp luật về doanh nghiệp luôn là nhiệm vụ trọng tâm. LDN 2014 ra đời có thể nói là nhu cầu tất yếu trong tình hình kinh tế xã hội hiện nay, khi mà LDN 1999 và LDN 2005 đã không còn phù hợp với thời cuộc nữa. LDN 2014 đã có những quy định góp phần hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật về doanh nghiệp nói chung và CTHD nói riêng. Tuy nhiên, những quy định ấy vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn, chưa phát huy được hết những điểm mạnh vốn có của loại hình công ty này. Xét về thời gian, thì CTHD là một trong những loại hình doanh nghiệp ra đời sớm nhất trên thế giới, nhưng với Việt Nam, mới chỉ được chính thức tồn tại đúng với tên gọi của nó trong 17 năm. Tuy chưa lâu, nhưng cũng không

thể coi là mới mẻ, xa lạ để các nhà đầu tư ngoảnh mặt với mô hình này, nhưng trên thực tế, số lượng CTHD đang hoạt động hiện nay quá ít.

Có rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, và một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiện tượng trên là môi trường pháp lý chưa thuận lợi, cụ thể là những quy định của pháp luật về CTHD chưa tạo được tiền đề, động lực để các nhà đầu tư thấy sự hấp dẫn khi lựa chọn mô hình này. Thậm chí có những quy định còn cản trở sự phát triển của chúng. Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài "*Tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam*" với mong muốn làm sáng tỏ những đặc điểm, bản chất pháp lý về tổ chức, hoạt động của loại hình công ty này, từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp và CTHD.

## **2. Tình hình nghiên cứu của luận văn**

CTHD là một mô hình kinh doanh tương đối phổ biến, nó đã có lịch sử tồn tại lâu đời. Mô hình kinh doanh này đã trở nên gần gũi với người dân cũng như thị trường của hầu khắp các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, ở Việt Nam, CTHD mới xuất hiện từ thời Pháp thuộc và sau đó, hiện tượng kinh doanh này tồn tại dưới những hình thức pháp lý như: Nhóm kinh doanh, tổ hợp tác, hợp đồng hợp tác kinh doanh BBC,... Dưới góc độ pháp lý, hình thức kinh doanh này mới chỉ được ghi nhận trong LDN 1999 và nay là LDN 2014.

Trong khi các công trình lớn nghiên cứu về các hình thức kinh doanh khác khá phổ biến và toàn diện thì CTHD hầu như chưa được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu như “Luật thương mại Việt Nam toát yếu” của Lê Tài Triển; đến năm 1972, CTHD lại một lần nữa được đề cập trong cuốn “Luật thương mại Việt Nam dẫn giải” của nhóm tác giả Lê Tài Triển, Nguyễn Vượng Thọ và Nguyễn Tân. Vì lẽ đó, cho đến nay, chưa thật sự có một công trình nào nghiên cứu sâu và tổng thể về CTHD và pháp luật về CTHD ở Việt Nam.

Do vậy, CTHD được coi là một hiện tượng pháp luật mới ở Việt Nam. Sau này, các cuốn giáo trình Luật kinh tế của các Trường đại học đã khái quát hóa về CTHD, phân loại các công ty đối nhân và công ty đối vốn. Tiếp theo đó là các bài viết trên tạp chí của một số tác giả liên quan đến một vài khía cạnh pháp lý cụ thể của CTHD như khái niệm CTHD trong LDN của TS Ngô Huy Cương; Cần quy định hợp lý về CTHD của Đỗ Văn Đại; Một vài khía cạnh pháp lý về CTHD theo pháp luật Việt Nam của Bùi Nguyên Khánh.... Hay một số luận án tiến sĩ hay luận văn thạc sĩ của các tác giả đã cũng đề cập đến các phân lý luận về CTHD cũng như chỉ ra các thực trạng cũng như giải pháp để hoàn thiện chúng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên còn mang tính khái quát rộng mà chưa chuyên sâu về CTHD hay chỉ có nhắc đến rất hạn chế, những vấn đề còn đang trong quá trình bỏ ngỏ, tranh luận như tư cách pháp lý, vốn, thành viên trong công ty... vẫn chưa được giải quyết triệt để. Do đó có rất nhiều vấn đề cần nghiên cứu về CTHD ở Việt Nam và một trong những vấn đề mà luận văn hướng đến là về tổ chức và hoạt động của CTHD từ góc độ pháp luật theo LDN 2014 đến góc độ của các nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Với mong muốn hoàn thiện khung pháp lý đảm bảo cho sự hoạt động của CTHD ở Việt Nam, luận văn đã tập trung tìm hiểu, phân tích, tổng hợp, làm sáng tỏ các khía cạnh pháp lý cơ bản của CTHD về mặt tổ chức và hoạt động; từ đó chỉ ra những bất cập còn tồn tại của LDN 2014 đối với CTHD.

Chỉ ra những điều mà các doanh nghiệp nên cải thiện về mặt tổ chức, hoạt động của bản thân mình nên làm nếu muốn lựa chọn CTHD để hoạt động. Tiếp sau đó, đưa ra các phương hướng, kiến nghị và giải pháp để hoàn thiện khung pháp lý về tổ chức, hoạt động của CTHD đồng thời bên cạnh hành lang pháp luật của Nhà nước bảo đảm sự an tâm cho nhà đầu tư thì bản thân nhà đầu tư cũng cần phải tự hoàn thiện mình trong khâu tổ chức.

#### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của CTHD và pháp luật về CTHD.



- Rút ra những kết luận về bản chất pháp lý của CTHD.
- So sánh những kết luận về bản chất pháp lý của CTHD với những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
- Phân tích vai trò, đánh giá thực trạng của CTHD và đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm hoàn thiện hơn pháp luật về CTHD.
- Chỉ ra các cách thức, mô hình hoạt động, tổ chức của bản thân chính doanh nghiệp khi lựa chọn CTHD để hoạt động.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận, pháp lý và thực trạng về tổ chức và hoạt động của CTHD ở Việt Nam.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Luận văn đi vào nghiên cứu các quy định pháp luật của Việt Nam về tổ chức và hoạt động CTHD trên cơ sở so sánh, đối chiếu với quy định của pháp luật các nước như: Thành lập, vận hành CTHD, tổ chức lại CTHD, các trường hợp chấm dứt CTHD và hậu quả ... để làm rõ những vấn đề có tính nguyên tắc, cần thiết cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về CTHD ở Việt Nam.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### *5.1. Phương pháp luận*

- Luận văn sử dụng phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam dựa trên định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong 48-NQ/TW về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 để đưa ra kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật. Ngoài ra, luận văn có tham khảo các công trình nghiên cứu, bài viết có liên quan đã được công bố.

##### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

- Trên cơ sở nền tảng đó, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung của khoa học xã hội như phương pháp duy vật biện chứng, phân tích lịch sử, phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp. Bên cạnh đó, các phương pháp

nghiên cứu đặc thù của khoa học pháp lý như: Phân tích quy phạm, đặc biệt là phương pháp so sánh pháp luật, được luận văn sử dụng xuyên suốt quá trình nghiên cứu Chương 1 và Chương 2, để làm rõ những vấn đề pháp lý chung về CTHD, sự khác biệt của pháp luật Việt Nam so với pháp luật các quốc gia khác về CTHD, chỉ ra những nội dung không phù hợp của pháp luật Việt Nam hiện hành về CTHD. Tại Chương 3, luận văn sử dụng phương pháp phân tích, diễn giải, quy nạp, công thức hóa các quy tắc pháp lý nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của CTHD ở Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

- Phân tích, đánh giá một cách toàn diện những đặc điểm pháp lý của CTHD nhằm đưa ra những điểm mạnh của loại hình công ty này so với các công ty khác.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

- Góp phần vào việc đưa ra những cơ sở khoa học pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý của pháp luật về doanh nghiệp nói chung và CTHD nói riêng cho các nhà đầu tư theo xu hướng thông thoáng và cởi mở.

- Hy vọng các giải pháp mà đề tài đề xuất sẽ góp phần cung cấp thông tin và ý nghĩa cho các nhà hoạch định pháp luật cũng như các nhà đầu tư để nâng cao hơn nữa số lượng và hiệu quả hoạt động của CTHD trong nền kinh tế Việt Nam thời kỳ hội nhập và phát triển.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh ở nước ta.

Chương 3: Giải pháp về tổ chức hoạt động của công ty hợp danh theo pháp luật Việt Nam.

# CHƯƠNG 1

## KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY HỢP DANH

### 1.1. Khái quát chung về công ty hợp danh theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam

#### *1.1.1. Lịch sử phát triển pháp luật công ty hợp danh.*

Lịch sử phát triển kinh tế nước ta mang đặc trưng là kinh tế nông nghiệp chiếm giữ vị trí chủ đạo, hoạt động thương mại vốn không phải là thế mạnh. Thương mại Việt Nam c yếu diễn ra ở các chợ, tổ chức sơ sài, quan hệ kinh doanh mang tính chất gia đình. Bởi vậy, các loại hình công ty ra đời muộn so với các nước trên thế giới, trong đó có CTHD. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), Nghị quyết của Đảng đã định hướng lại chủ trương phát triển kinh tế đất nước, đó là chuyển nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng các thành phần kinh tế, ghi nhận hình thức sở hữu tư nhân [7].

Sự ra đời của Luật Công ty và LDN Tư nhân năm 1990 đánh dấu sự ghi nhận chính thức của pháp luật về công ty. Tuy nhiên, Luật Công ty năm 1990 có nhiều hạn chế do được ban hành trong những năm đầu của công cuộc đổi mới. Các quy định về công ty chưa cụ thể, và chưa có CTHD trong các văn bản pháp luật trên. LDN 1999 trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm trên thế giới, đồng thời khắc phục những hạn chế của các văn bản luật trước đó, đã có sự phát triển vượt bậc về chất lượng. Một trong những điểm mới nhất của văn bản này là ghi nhận sự tồn tại của hai loại hình công ty mới, CTHD và công ty TNHH một thành viên. LDN 2005 thay thế LDN 1999 hoàn thiện các quy định về CTHD, tạo cho nó một chỗ đứng vững vàng hơn trong môi trường pháp lý, và có nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho việc phát triển loại hình công ty vốn kén chọn ngành nghề đầu tư và cả người đầu tư này.

Kể từ khi ra đời đến nay LDN 2005 đã có sự đóng góp đáng kể vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh, từng bước xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, trải qua gần 10 năm đi vào thực tế, LDN 2005 đang dần bộc lộ những hạn chế, chưa thực sự phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, phần nào gây khó khăn đến hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đất nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy LDN 2014 ra đời thay thế cho LDN 2005 cho phù hợp với xu hướng hiện hành là cần thiết, cấp bách để đáp ứng được môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và CTHD nói riêng.

### ***1.1.2. Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp 2014***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm***

CTHD là doanh nghiệp trong đó: Phải có ít nhất hai thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là TVHD), ngoài các TVHD có thể có TVGV; TVHD phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty; TVGV chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Như vậy có thể thấy LDN 2014 không đưa ra một khái niệm nhất định về CTHD mà chỉ đưa ra các đặc điểm của CTHD là như thế nào để nhận biết chúng.

Trước hết, CTHD được coi là doanh nghiệp theo LDN 2014. *Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế, có tài sản và tên riêng, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh trên thị trường.*

Thứ hai, đó là sự “hợp danh”. Đây là vấn đề mấu chốt để phân biệt CTHD khác với các loại hình công ty khác. Sự hợp danh ở đây là việc các cá nhân có sự hùn hạp, góp vốn với nhau để kinh doanh dựa trên uy tín, danh dự cũng như chất xám, bằng cấp của các cá nhân mà phần vốn này rất khó định

lượng bằng tài sản hữu hình nhất định. Tuy nhiên, pháp luật vẫn quy định việc các thành viên này khi thực hiện bằng việc góp vốn của mình khi cùng nhau kinh doanh bắt buộc đó phải là tài sản hữu hình để bảo đảm sự ổn định trong kinh doanh, cũng như các phát sinh khác trong quá trình hoạt động của công ty được bảo đảm bằng số vốn này để giải quyết. Mặt khác, dù có sự góp vốn bằng tài sản của mình, nhưng về bản chất của CTHD là dựa trên uy tín, danh dự, kinh nghiệm kinh doanh của mỗi cá nhân nên mỗi TVHD không chỉ chịu trách nhiệm trong phần tài sản của công ty mà còn phải chịu trách nhiệm vô hạn của cá nhân mình trong quá trình hoạt động của công ty.

Từ đó ta có thể nói “*CTHD là doanh nghiệp, trong đó có ít nhất hai TVHD (đều là cá nhân) cùng hoạt động thương mại dưới cùng một pháp nhân chung và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình về các khoản nợ của công ty. Ngoài các TVHD, công ty có thể có thêm TVGV.*”

#### *1.1.2.2. Đặc điểm*

*Đặc điểm về thành viên:* CTHD có ít nhất hai thành viên là cá nhân thỏa thuận góp vốn với nhau, cùng chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới. Ngoài TVHD, công ty có thể có thêm TVGV, chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ trong phạm vi vốn đã góp vào công ty – đây được xem là biến thể của CTHD, đó là loại hình hợp danh trách nhiệm hữu hạn.

*Về trách nhiệm tài sản của các loại thành viên:* TVHD chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới. Các TVHD phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của công ty. Trách nhiệm này không bị giới hạn đối với bất kỳ thành viên nào. TVGV chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

*Về quyền quản lý, đại diện của công ty hợp danh:* Về cơ bản, các TVHD có quyền thỏa thuận về việc quản lý, điều hành công ty. Trong quá trình hoạt động công ty, các TVHD đều có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức

điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

*Về phát hành chứng khoán:* CTHD không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào, khả năng huy động vốn của CTHD là rất hạn chế.

*Về tư cách pháp lý:* CTHD có tư cách pháp nhân tuy chưa có sự tách bạch rõ ràng giữa tài sản của công ty và tài sản của các thành viên công ty. Các thành viên công ty phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn sang công ty và tài sản hình thành trong quá trình công ty hoạt động là tài sản của công ty [8, Tr. 165].

### ***1.1.3. So sánh công ty hợp danh với các loại hình doanh nghiệp khác trong Luật Doanh nghiệp 2014***

CTHD có thể phân biệt với các loại hình công ty khác ở những tiêu chí sau:

Thứ nhất, bản chất của hoạt động đầu tư. CTHD là công ty đối nhân điển hình, được hình thành trên cơ sở sự liên kết tin cậy về nhân thân của các thành viên tham gia, sự hùn vốn chỉ là thứ yếu. Còn các công ty đối vốn, là những công ty mà sự liên kết hình thành trên cơ sở vốn góp của các thành viên, mà ở đó không có sự quan tâm tới tư cách hay nhân thân của người góp vốn.

Thứ hai, mối quan hệ tài sản trong công ty. Trong CTHD các TVHD chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ, mọi nghĩa vụ tài sản của công ty bằng toàn bộ tài sản của mình – chế độ trách nhiệm vô hạn. Còn trong công ty đối vốn, đặc điểm quan trọng nhất giúp phân biệt nó với CTHD là thành viên công ty chỉ chịu trách nhiệm có giới hạn đối với hoạt động của công ty trong phạm vi vốn góp vào công ty – chế độ trách nhiệm hữu hạn.

Thứ ba, về cơ chế vận hành công ty. Trong nội bộ CTHD, các thành viên công ty gắn bó và bị ràng buộc lẫn nhau bởi các nghĩa vụ cẩn trọng và tín thác. Theo đó, một TVHD đương nhiên có quyền hành động với danh nghĩa công ty mà không cần phải có sự ủy quyền như thông thường. Trong mối quan hệ với bên ngoài, mỗi TVHD đều có quyền đại diện cho công ty và cho các TVHD khác trong mối quan hệ với bên thứ ba. Đối với công ty đối vốn,

việc vận hành được thực hiện theo các quy định của pháp luật. Theo đó, bộ máy quản lý điều hành công ty được xác lập, mỗi bộ phận trong bộ máy đó thực hiện những chức năng, nhiệm vụ cụ thể, vì mục đích chung của công ty. Mỗi thành viên công ty chỉ được can dự vào quá trình vận hành công ty theo quy định của pháp luật và tương ứng với phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ trong công ty.

Từ những so sánh trên giữa CTHD và các loại hình doanh nghiệp khác theo LDN 2014 ta có thể rút ra một số đánh giá cũng như ưu, nhược điểm của CTHD như sau:

*Ưu điểm:*

Ít chịu sự điều chỉnh của pháp luật: Do tính an toàn pháp lý đối với công chúng cao mặt khác các thành viên thường có quan hệ mật thiết với nhau về nhân thân nên việc quản lý CTHD chịu rất ít sự ràng buộc của pháp luật. Về cơ bản, các thành viên có quyền tự thỏa thuận về quản lý, điều hành công ty. Tuy nhiên cần lưu ý là quyền quản lý CTHD chỉ thuộc về các TVHD, TVGV không có quyền quản lý công ty. Trong quá trình hoạt động, các TVHD có quyền đại diện theo pháp luật và được hưởng những quyền cơ bản, quan trọng của thành viên công ty đồng thời phải thực hiện những nghĩa vụ tương xứng để bảo vệ quyền lợi của công ty và những người có liên quan. Các quyền và nghĩa vụ của TVHD được quy định trong LDN và Điều lệ.

Kết hợp được uy tín cá nhân của nhiều người: Do chế độ liên đới chịu trách nhiệm vô hạn, CTHD dễ dàng tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Công ty có thể dễ dàng được ngân hàng cho vay vốn hoặc hoãn nợ.

Ưu thế về quy mô, cơ cấu tổ chức: Do cơ cấu tổ chức của công ty gọn nhẹ, việc thành lập công ty cũng khá đơn giản nên loại hình công ty này thích hợp với việc tổ chức các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp với xu thế phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của thế giới.

### *Hạn chế:*

TVHD phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với các nghĩa vụ của công ty. Điều đó được thể hiện ở các đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, chế độ trách nhiệm của các TVHD trong CTHD là trực tiếp.

- Các TVHD của công ty đều phải chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn đối với các khoản nợ của công ty. Do đó, các chủ nợ có quyền yêu cầu công ty hoặc bất kì TVHD nào của công ty thanh toán, chủ nợ không nhất thiết phải yêu cầu tất cả các thành viên trả nợ [35].

- Trách nhiệm liên đới giữa các TVHD trong CTHD thể hiện ở chỗ khi một TVHD thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của công ty thì thành viên này đã làm cho tất cả các TVHD khác trong công ty không bị ràng buộc bởi món nợ đối với chủ nợ. Quyền đòi nợ của chủ nợ kết thúc đối với một thành viên thì cũng kết thúc đối với công ty và tất cả các TVHD còn lại trong công ty. TVHD đã trả nợ sẽ có quyền đòi các thành viên còn lại thanh toán phần nợ của họ trong món nợ đó. Như vậy, TVHD này đã được thế quyền của chủ nợ, quyền đòi nợ của chủ nợ đã được chuyển sang cho thành viên đã trả nợ với tất cả các đặc quyền. Nói cách khác, thành viên đã trả nợ cho chủ nợ được hưởng đủ các bảo đảm đặc biệt của món nợ, nếu có, y như chủ cũ.

*Thứ hai*, trách nhiệm của TVHD không chỉ giới hạn trong phạm vi phần vốn góp của mình vào công ty: Khác với loại hình công ty đối vốn, các thành viên của công ty này chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn góp vào công ty, ngược lại đối với CTHD, các TVHD không chỉ phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng tài sản đã góp vào công ty, trong trường hợp tài sản của công ty không đủ để thực hiện các nghĩa vụ đối với chủ nợ, thì các TVHD phải chịu trách nhiệm bằng chính tài sản riêng của mình. Đây là một đặc trưng cơ bản của loại hình công ty đối nhân nói chung và CTHD nói riêng.

*Thứ ba*, trong CTHD không có sự phân biệt rõ ràng giữa tài sản công ty và tài sản cá nhân: Sự chuyển dịch quyền sở hữu đối với khối tài sản chung



sang tài sản riêng rất đơn giản và nói chung khó kiểm soát. Về nguyên tắc, ngay khi một thành viên chưa được hưởng chút lợi nhuận nào thì vẫn phải chịu trách nhiệm. Vì vậy khả năng rủi ro và nguy hiểm đối với từng thành viên là rất lớn. Nếu công ty thua lỗ, họ có thể bị khánh kiệt gia sản. Mặt khác, các TVHD phải bằng toàn bộ tài sản của mình (tài sản đầu tư vào kinh doanh và tài sản dân sự) chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

*Thứ tư*, TVHD mới được tiếp nhận vào công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác. Tuy nhiên việc chịu trách nhiệm này chỉ phải thực hiện sau khi đã đăng ký việc gia nhập thành viên mới này với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi TVHD rút khỏi công ty hoặc bị khai trừ ra khỏi công ty trong thời hạn hai năm kể từ ngày chấm dứt tư cách TVHD thì thành viên này vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.

CTHD không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào nên khả năng huy động vốn không cao: Khoản 3 Điều 172 LDN 2014 quy định “CTHD không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào”. Bản chất của việc phát hành chứng khoán là để huy động vốn từ quần chúng, do đó một trong những điều kiện để được phát hành chứng khoán là tổ chức kinh tế phát hành phải có tài sản độc lập với thành viên để tạo một sự đảm bảo an toàn cho khách hàng. CTHD là loại hình doanh nghiệp chưa thật sự độc lập về tài sản nên luật không cho phép nó được phát hành chứng khoán. Trong CTHD, việc chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên rất bị hạn chế bởi vì khác với các loại hình công ty khác, tài sản trong CTHD không được thể hiện dưới dạng cổ phiếu hay phần vốn góp như trong CTCP, công ty TNHH. Tài sản trong công ty và bản thân công ty thuộc sở hữu chung theo phần của các thành viên mà công ty lại được thành lập chủ yếu dựa trên cơ sở quen biết, tin cậy giữa các

thành viên. Việc chuyển giao vốn góp của TVHD trong công ty có thể làm thay đổi đặc trưng của công ty. Tuy nhiên để tăng thêm vốn kinh doanh hoặc mở rộng quy mô kinh doanh thì công ty có thể huy động vốn bằng cách vay vốn, huy động thêm phần vốn góp của các TVGV hoặc kết nạp thêm thành viên mới.

Tóm lại, do tính chất trách nhiệm vô hạn của công ty, hình thức công ty này xuất hiện ngày càng nhiều trong mối liên hệ giữa các công ty để hình thành một chi nhánh chung giữa các công ty, các tập đoàn, làm cơ sở cho việc phân nhánh mới. Với sự phát triển theo chiều sâu, sự phân hóa ngày càng đậm nét của các lĩnh vực trong đời sống kinh doanh đã ngày càng chứng tỏ rằng các loại hình công ty TNHH, CTCP không thể phù hợp với tất cả các ngành nghề kinh doanh như: Khám chữa bệnh, tư vấn pháp lý, kiểm toán... là những ngành nghề đặc thù đòi hỏi trách nhiệm cao của những người hành nghề do những đối tượng hành nghề chỉ có thể cam kết theo khả năng chứ không thể cam kết theo kết quả hành nghề. Ở các nước phát triển, loại hình công ty thích hợp cho các ngành nghề này là CTHD do chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của các thành viên và tính chất của sự liên kết giữa họ.

## **1.2. Khái niệm tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh**

### ***1.2.1. Tổ chức công ty hợp danh***

Tổ chức có nghĩa là quá trình sắp xếp và bố trí các công việc, giao quyền hạn và phân phối các nguồn lực của tổ chức sao cho chúng đóng góp một cách tích cực và có hiệu quả vào mục tiêu chung của doanh nghiệp [41].

Cơ cấu tổ chức là một hệ thống chính thức về các mối quan hệ vừa độc lập, vừa phụ thuộc trong tổ chức, thể hiện những nhiệm vụ rõ ràng do ai làm, làm cái gì và liên kết với các nhiệm vụ khác trong tổ chức như thế nào nhằm tạo ra một sự hợp tác nhịp nhàng để đáp ứng mục tiêu của tổ chức [40, Tr. 197].

Theo đó tổ chức của CTHD là quá trình sắp xếp và giao các quyền hạn cho các thành viên của công ty để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn của mình trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức có hai phần cơ bản là tổ chức cơ cấu và tổ chức quá trình. Trong tổ chức cơ cấu bao gồm tổ chức cơ cấu quản lý (chủ thể quản lý) và tổ chức cơ cấu sản xuất kinh doanh (đối tượng bị quản lý); còn tổ chức quá trình bao gồm tổ chức quá trình quản trị và tổ chức quá trình sản xuất kinh doanh [31]. Theo quy định của LDN 2014 thì chỉ quy định một số điều về cơ cấu tổ chức quản lý của CTHD tức chủ thể quản lý còn tổ chức cơ cấu sản xuất, tổ chức quá trình quản trị và tổ chức quá trình sản xuất thuộc mảng quản trị kinh doanh và LDN thì không can thiệp vào quá trình này của doanh nghiệp trong CTHD.

Theo LDN 2014 cơ cấu tổ chức và quản lý của CTHD gồm: HĐQT, chủ tịch HĐQT kiêm GD hoặc TGD nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Ngoài ra còn có các phòng, ban khác được thành lập thông qua biểu quyết của HĐQT, tuy nhiên LDN 2014 không có quy định cụ thể về những vấn đề này ví dụ như ban kiểm soát, các phòng nghiệp vụ, hành chính, v.v... .

### ***1.2.2. Hoạt động của công ty hợp danh***

Hoạt động của doanh nghiệp nói chung và của CTHD nói riêng được thực hiện trên nguyên tắc tự do kinh doanh. Điều đó được quy định cụ thể tại Điều 33 Hiến pháp 2013 “*Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”, và được cụ thể hóa tại Điều 7 LDN 2014 “*tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà Luật không cấm*”.

Tuy nhiên khác với các loại hình doanh nghiệp khác, ở CTHD việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty là do các TVHD phân chia, phối hợp điều hành; TVGV không có quyền tham gia điều hành công ty mặc dù có sự đóng góp vốn vào trong công ty. Cụ thể như sau:

Các TVHD có quyền đại diện theo pháp luật tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Mọi hạn chế đối với TVHD, trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với

bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó.

Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, TVHD phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Khi một số hoặc tất cả TVHD cùng thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số.

Hoạt động do TVHD thực hiện ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận. Công ty có thể mở một hoặc một số tài khoản tại ngân hàng. HĐQT chỉ định thành viên được ủy quyền gửi và rút tiền từ các tài khoản đó.

Chính vì việc tất cả các TVHD đều có quyền đại diện theo pháp luật của công ty cho nên việc hạn chế một số quyền đối với TVHD trong quá trình hoạt động của mình là tất yếu để tránh dẫn đến những thiệt hại cho công ty cũng như cho bên thứ ba trong các giao dịch dân sự khác. LDN 2014 đã có những hạn chế nhất định đối với các TVHD như không được làm chủ DNTN hay TVHD của CTHD khác, trừ trường hợp được sự đồng ý của các TVHD còn lại; không được nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề với công ty.

Việc hạn chế các hoạt động ngoài lề của TVHD có ảnh hưởng đến công ty là cần thiết nhưng những hạn chế này chỉ có đối với TVHD, còn đối với TVGV thì không bị hạn chế. Điều đó có nghĩa là TVGV có quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác tiến hành kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh của công ty trong điều kiện và môi trường khác.

### **1.3. Mô hình tổ chức và hoạt động của công ty hợp danh**

#### ***1.3.1. Mô hình tổ chức công ty hợp danh của Mỹ và Pháp***

##### ***1.3.1.1. Công ty hợp danh theo mô hình của Mỹ***

Theo pháp luật của Hoa Kỳ thì CTHD là “*sự liên kết gồm hai hay nhiều chủ sở hữu và với tư cách là những đồng chủ sở hữu họ cùng nhau kinh doanh để thu lợi nhuận*” [46]. Để thành lập CTHD ở Mỹ cần đáp ứng điều

kiện về số lượng thành viên tối thiểu là hai thành viên trở lên; các thành viên này tự nguyện và liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty. Pháp luật Mỹ mở rộng đối tượng có thể tham gia CTHD không chỉ có cá nhân, pháp nhân mà cho phép cả vị thành niên trở thành thành viên công ty. Theo Luật Thống nhất về CTHD 1914 của Hoa Kỳ thừa nhận có hai loại CTHD đó là CTHD thông thường và CTHD hữu hạn.

Trong CTHD thông thường mang bản chất đối nhân tuyệt đối. Các thành viên trong công ty phải chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty; ngay cả khi đã rút khỏi công ty thì vẫn bị ràng buộc trách nhiệm từ những giao dịch được thiết lập trước thời điểm chấm dứt tư cách TVHD của họ. Bản chất của CTHD thông thường ở Mỹ là một dạng hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các thành viên, do vậy, CTHD thông thường không có tư cách pháp nhân. Xuất phát từ vấn đề này mà pháp luật Mỹ quy định rất chặt chẽ khi không cho phép các thành viên trong CTHD thông thường chuyển nhượng phần vốn góp, việc chuyển nhượng sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh dưới một tên chung của công ty.

CTHD hữu hạn bao gồm ít nhất một TVHD và một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn. Có thể nói mô hình CTHD hữu hạn ở Mỹ có bản chất là công ty hợp vốn đơn giản. Bởi lẽ, TVHD có quyền và nghĩa vụ của công ty trong giới hạn số vốn góp vào công ty. Việc xuất hiện thành viên chỉ đơn thuần góp vốn, hưởng lợi nhuận khi công ty kinh doanh có lãi và không phải dùng tài sản riêng để chịu trách nhiệm về những khoản lỗ từ hoạt động của công ty đã khiến cho CTHD hữu hạn không còn bản chất đối nhân tuyệt đối nữa [45]. Cũng giống như CTHD thông thường, pháp luật Mỹ quy định, CTHD hữu hạn không có tư cách pháp nhân. Các hoạt động đều được giao dịch bởi tư cách thương gia của TVHD.

#### *1.3.1.2. Công ty hợp danh theo mô hình của Pháp*

Pháp luật về công ty của Pháp xây dựng định nghĩa về CTHD như sau:

“CTHD là một hội đoàn thành lập giữa hai người hay một số người nhiều hơn để làm thương mại dưới một hội danh” [1]. CTHD phải có ít nhất hai thành viên. Pháp luật yêu cầu các thành viên phải có tư cách thương gia và có đầy đủ năng lực hành vi để hành nghề. Quy định về tư cách thương gia của thành viên CTHD ở Pháp có liên quan tới trách nhiệm tài sản của các thành viên. CTHD ở Pháp mang bản chất đối nhân tuyệt đối bởi lẽ tất cả các thành viên đều phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ của công ty. Khi công ty có khoản nợ, chủ nợ yêu cầu công ty thực hiện việc thanh toán, tuy nhiên, nếu tài sản của công ty không đủ để thực hiện nghĩa vụ này thì chủ nợ được pháp luật trao quyền yêu cầu bất kỳ thành viên nào của CTHD trả nợ.

Tính liên đới trong trách nhiệm vô hạn khiến cho chủ nợ có thể chỉ định một thành viên của công ty thực hiện nghĩa vụ mà thành viên đó không được phép từ chối hoặc yêu cầu phân chia trách nhiệm cho các thành viên khác trong công ty. Khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, thành viên đó có quyền yêu cầu công ty hoặc các thành viên khác hoàn trả số tiền mình đã dùng cho việc trả nợ theo yêu cầu của chủ nợ.

Một đặc điểm tạo sức hút cho mô hình công ty này ở Pháp đó là Luật Thương mại không chỉ quy định cá nhân mà còn cho phép pháp nhân tham gia CTHD [22]. Từ đó có thể hình thành mô hình kinh doanh kết hợp, cho phép tránh được trách nhiệm vô hạn của cá nhân thành viên mà vẫn có thể khai thác được những điểm mạnh của CTHD. Ví dụ: một CTHD có tất cả các TVHD là pháp nhân song thực ra, việc điều hành công ty do các cá nhân là người đứng đầu pháp nhân thành viên thực hiện. Vì thế mà mặc dù quy trình, thủ tục CTHD ở Pháp rất nghiêm ngặt, song CTHD vẫn hiện diện với một số lượng đáng kể trong nền kinh tế Pháp. Xuất phát từ đặc trưng là sự liên kết giữa những người có mối quan hệ quen biết và tin tưởng lẫn nhau nên vấn đề chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên công ty phải nhận được sự nhất trí của các thành viên khác, việc chuyển nhượng sẽ tuân theo

Điều lệ của công ty.

Yếu tố đối nhân tạo cho các thành viên quyền quản lý, giám sát mọi hoạt động của công ty, đồng thời gắn kết họ lại với nhau tạo nên uy tín, thương hiệu của CTHD. Theo quy định của Luật Thương mại Pháp thì CTHD luôn luôn là công ty thương mại, trong mọi trường hợp nó phải tuân thủ các nghĩa vụ của thương gia và tranh chấp của công ty được giải quyết tại Tòa Thương mại.

Việc điều hành công ty do Người quản lý thực hiện. Về nguyên tắc, tất cả các thành viên đều có tư cách quản lý. Họ có thể chỉ định Người quản lý trong số các thành viên của công ty hoặc người ngoài công ty. Người quản lý cũng đồng thời là người đại diện của công ty.

Theo quy định, tất cả các thành viên đều có tư cách thương nhân, nhưng công ty không có tư cách này. Tuy nhiên, trong trường hợp Người quản lý là người ngoài công ty thì chính công ty mang tư cách thương nhân, bởi vì khi đó, Người quản lý khi thực hiện các hành vi nhân danh công ty và phải chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh trước các thành viên.

### ***1.3.2. Mô hình tổ chức công ty hợp danh của Việt Nam***

LDN 2014 xây dựng khái niệm CTHD như sau: “*CTHD là doanh nghiệp trong đó phải có ít nhất là hai TVHD, ngoài ra còn có thể có TVGV. CTHD có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. TVHD phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. TVGV chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty*”. Từ định nghĩa CTHD theo Điều 172 LDN 2014 ta có thể nhận thấy rằng mô hình CTHD của nước ta có một số nét đặc trưng riêng biệt khác với các nước trên thế giới.

*Thứ nhất* là số lượng thành viên của công ty, cũng giống như CTHD của Hoa Kỳ hay của Pháp. Số lượng tối thiểu thành viên của công ty phải là hai TVHD. Tuy nhiên LDN 2014 quy định rằng, đối với TVHD trong CTHD thì

bắt buộc TVHD đó phải là cá nhân, khác với quy định của Pháp hay của Hoa Kỳ là TVHD của công ty có thể là cá nhân hoặc pháp nhân. Tuy nhiên thì TVGV trong CTHD thì LDN 2014 không có quy định cụ thể từ đó có thể hiểu rằng TVGV có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Để lý giải cho điều này tức là tại sao pháp luật Việt Nam không cho phép pháp nhân cũng là TVHD trong CTHD như một số quốc gia trên thế giới thì ta đi về bản chất của CTHD. Ta thấy rằng chủ doanh nghiệp hợp danh mang uy tín và vốn liếng ra kinh doanh, thường gặp trong công ty Luật hoặc công ty liên quan tới sức khỏe... Nói một cách tổng quát, CTHD là công ty có sự hợp sức của hai người trở lên mang danh nghĩa, uy tín của cá nhân ra kinh doanh, chủ yếu hoạt động nhờ uy tín của cá nhân hợp lại. Khi có sự kết hợp của tổ chức vào công ty thì không được quyền quyết định cao trong công ty để tránh tổ chức thâm tóm và biến CTHD thành chi nhánh công ty, điều này có nghĩa phải có sự khác biệt giữa góp vốn vào CTHD và đây là một chi nhánh. Mặt khác, cá nhân có thể thành lập công ty TNHH một thành viên (là một pháp nhân), vì vậy nếu không có quy định này thì cá nhân có thể thông qua hình thức công ty TNHH một thành viên làm TVHD để tránh việc phải chịu trách nhiệm vô hạn của mình.

*Thứ hai* là tư cách pháp nhân. Tư cách pháp lý của CTHD theo pháp luật Việt Nam là một đặc điểm mang tính đặc thù. Theo quy định hiện hành, CTHD có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tại sao pháp luật Việt Nam lại quy định CTHD có tư cách pháp nhân trong khi các quốc gia trên thế giới hầu hết quy định CTHD không có tư cách pháp nhân? Khi xây dựng LDN 2014, quy định CTHD có tư cách pháp nhân đã dẫn đến nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, LDN 2014 vẫn quy định như thế bởi pháp luật Việt Nam quy định rằng tổ chức kinh tế tham gia một ngành nghề nào đó phải có tư cách pháp nhân. Vì vậy, việc thừa nhận tư cách pháp nhân của CTHD cho phép loại hình doanh nghiệp này được quyền tham gia những ngành nghề đó. Tiếp đó việc thừa nhận tư cách pháp nhân của



CTHD là điều đơn giản và dễ dàng hơn việc xây dựng một loạt khái niệm pháp luật và kỹ thuật pháp lý khác để CTHD có thể tham gia giao dịch với bên thứ ba và tham gia vào hoạt động tổ tụng. Mặt khác, việc quy định CTHD có tư cách pháp nhân cũng không có mâu thuẫn gì với BLDS bởi BLDS là luật chung còn LDN là luật chuyên ngành [1] việc thừa nhận này có thể coi là một ngoại lệ của BLDS.

*Thứ ba* là điều hành hoạt động của công ty, theo Điều 177 LDN 2014 thì HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất điều hành mọi hoạt động của công ty. HĐQT bầu ra một TVHD làm chủ tịch hội đồng kiêm GD hoặc TGD công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Điều đó có nghĩa là nếu Điều lệ công ty có quy định không bắt buộc chủ tịch HĐQT làm GD hay TGD thì CTHD hoàn toàn có thể thuê một người bên ngoài làm GD hoặc TGD để điều hành quản lý công ty trong khi người này không phải là TVHD?

*Thứ tư*, người đại diện theo pháp luật của CTHD. Các TVHD có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động hằng ngày của công ty. Chỉ có TVHD mới có quyền đại diện theo pháp luật cho công ty còn TVGV thì không có quyền hạn này. Tuy nhiên trong trường hợp GD hoặc TGD không kiêm chủ tịch HĐQT thì mặc dù không phải là TVHD hay TVGV nhưng vẫn có tư cách đại diện cho công ty trong quan hệ với cơ quan Nhà nước như đại diện cho công ty với tư cách bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ kiện, tranh chấp thương mại hay các tranh chấp khác. Chính vì mọi TVHD đều có quyền đại diện cho công ty để điều hành hoạt động kinh doanh cho nên vẫn có một số hạn chế quyền nhất định đối với TVHD mà điều đó không có đối với TVGV để tránh gây thiệt hại đối với công ty như không được làm chủ DNTN hoặc TVHD của công ty khác, không được quyền chuyển một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác nếu tất cả điều đó không được sự chấp thuận của các TVHD còn lại; không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh

cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

### ***1.3.3. Mô hình hoạt động công ty hợp danh của Việt Nam***

Mọi doanh nghiệp nói chung và CTHD nói riêng trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh của mình đều phải tiến hành đăng kí thành lập doanh nghiệp. Điều đó có nghĩa là, trên nguyên tắc chung, trước khi tiến hành đưa hoạt động của doanh nghiệp vào đời sống thực tế, CTHD phải tiến hành bước khai sinh cho sự ra đời của doanh nghiệp mình – đó là hoạt động đăng ký thành lập doanh nghiệp, hay đăng kí thành lập công ty.

#### ***1.3.3.1. Đăng kí thành lập công ty hợp danh***

Đăng kí thành lập công ty là việc khai sinh về phương diện pháp lí cho sự ra đời của công ty với khá nhiều nội dung cũng như công việc mà chủ công ty cần thực hiện. Việc đăng kí doanh nghiệp được thực hiện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ việc thành lập một số doanh nghiệp ở những lĩnh vực đặc thù thì việc thành lập trải qua hai bước: Quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh. Việc quy định như vậy nằm trong chương trình giản đơn hoá thủ tục đăng kí doanh nghiệp, góp phần thực hiện hiệu quả công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Bên cạnh đó, việc quy định như vậy cũng hết sức cần thiết khi tăng cường và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư - một trong những quyền cơ bản của quyền con người đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013. Điều đó đã được cụ thể hóa bằng sự ra đời của LDN 2014 - được coi là đổi mới thể chế lần thứ hai về doanh nghiệp. Theo đó, pháp luật chỉ quy định lĩnh vực cấm kinh doanh, lĩnh vực hạn chế kinh doanh, còn lại doanh nghiệp sẽ được thực hiện tất cả các lĩnh vực kinh doanh. Việc quy định như vậy vừa nâng cao khả năng kiểm soát của Nhà nước vừa tránh rườm rà cho doanh nghiệp khi đăng kí kinh doanh.

#### ***1.3.3.2. Nguyên tắc hoạt động của công ty hợp danh***

Nguyên tắc tự do, tự nguyện tham gia thành lập và rời khỏi công ty: “*Quyền tự do nói chung và tự do kinh doanh nói riêng không chỉ là mục tiêu của xã hội văn minh, mà còn là động lực thúc đẩy xã hội phát triển, tiến bộ xã hội, sự phát triển của nền kinh tế và nâng cao mức sống của người dân*”[33]. Mặc dù là loại hình

công ty đối nhân nhưng việc tham gia hoặc rời khỏi CTHD vẫn luôn được quyết định bởi ý thức tự nguyện của mỗi thành viên. Không có chủ thể nào có quyền áp đặt lên ý chí của các thành viên của CTHD khi họ tham gia hoặc rời khỏi công ty.

Nguyên tắc tuân thủ nghiêm minh pháp luật và Điều lệ công ty: Điều lệ công ty là bản cam kết của tất cả các thành viên công ty nên nó có giá trị buộc tất cả thành viên đều phải tôn trọng và thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, ngoài việc tuân thủ Điều lệ của CTHD, đương nhiên các thành viên còn phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật.

Nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của công ty: Yêu cầu của nguyên tắc là mọi hoạt động của CTHD cần ghi chép và báo cáo công khai trước tất cả các thành viên khác khi cần thiết. Trên thực tế, LDN 2014 đang quy định CTHD có hai loại hình thành viên là TVHD và TVGV. Điều này khác so với pháp luật của hầu hết các quốc gia, khi tại các quốc gia đó đều có sự tách bạch giữa CTHD với CTHD hữu hạn (công ty hợp vốn đơn giản). Vì vậy, đối với CTHD của LDN 2014, về nguyên tắc, các TVGV không được phép tham gia quản lý, điều hành và đại diện cho CTHD như TVHD. Bởi vậy, chỉ có tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch thì tất cả các quyết định của HĐTV đều sẽ phải ghi chép chi tiết, cẩn thận vào sổ biên bản của CTHD. Qua đó, mới có thể bảo đảm quyền lợi và tạo dựng niềm tin giữa các thành viên cho dù họ không trực tiếp tham gia quản lý CTHD.

Nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng chia lợi nhuận: Yêu cầu của nguyên tắc này đó là CTHD phải tự quyết định phương án kinh doanh, hình thức và thời điểm huy động vốn, sử dụng tài sản, tự tìm kiếm thị trường, khách hàng, tự nhân danh công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng... Mặt khác, trong suốt quá trình hoạt động, CTHD cũng phải tự mình chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, tự quyết định việc phân chia lợi nhuận cho các thành viên theo tỷ lệ đóng góp sau khi đã thực hiện đầy đủ các khoản nghĩa vụ của công ty đối với pháp luật.

Nguyên tắc nhất trí trong điều hành và hoạt động công ty: Nguyên tắc nhất trí còn được gọi là nguyên tắc quyết định theo đa số. Nguyên tắc này thể hiện qua việc quyết định các vấn đề quan trọng của CTHD phải được sự chấp thuận của tất cả các

thành viên. Hiệu quả của nguyên tắc nhất trí, làm giảm tình trạng đa số phải phục tùng thiểu số và làm cho các thành viên ý thức hơn về các quyền và nghĩa vụ của họ tại công ty [21].

#### *1.3.3.3. Mô hình hoạt động công ty Luật hợp danh*

##### *Thành viên công ty Luật hợp danh:*

Khác với CTHD thông thường, CTLHD chỉ bao gồm loại thành viên duy nhất là TVHD. TVHD của công ty luật phải là luật sư. Theo Khoản 2 Điều 34 Luật Luật sư năm 2006, CTLHD là loại hình công ty đối nhân do ít nhất hai luật sư thành lập. CTLHD không có TVGV. Điểm đặc biệt là TVHD trong CTLHD phải là các luật sư mà không phải là bất kì tổ chức, cá nhân nào.

##### *Trách nhiệm pháp lí:*

Việc quy định và áp dụng tính chịu trách nhiệm có ý nghĩa trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan, đặc biệt khi công ty bị tuyên bố phá sản bằng quyết định của Tòa án có thẩm quyền. Tham chiếu các quy định về vấn đề trách nhiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam có thể thấy các doanh nghiệp “công” hay doanh nghiệp “tư” đều được áp dụng trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính, còn trách nhiệm của thành viên trong công ty đó có thể được áp dụng theo chế độ trách nhiệm hữu hạn hoặc trách nhiệm vô hạn tùy thuộc vào mô hình công ty. Thành viên CTCP, công ty TNHH hay TVGV trong CTHD chịu trách nhiệm về các khoản nợ hay nghĩa vụ tài chính công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty, không phụ thuộc vào tổng số nợ mà công ty phải thanh toán (trách nhiệm hữu hạn). Ngược lại đối với CTHD, CTLHD thì TVHD liên đới chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính của công ty (phụ thuộc vào tổng số nợ mà công ty có nghĩa vụ thanh toán).

Như vậy, từ góc độ tài sản thanh toán các khoản nợ có thể đưa tới nhận định: Suy cho cùng, trách nhiệm của các công ty CTHD, CTLHD là trách nhiệm vô hạn. Vấn đề này có thể chứng minh bởi các lí do: 1) Khi công ty bị phá sản, công ty có trách nhiệm thanh toán trên cơ sở số tài sản còn lại đối với các khoản nợ (trách nhiệm hữu hạn); 2) Tài sản của công ty không đủ để thanh toán thì việc thanh toán các khoản nợ còn lại (thiếu) sẽ thuộc về các TVHD trong công ty; 3) TVHD là đồng chủ

sở hữu công ty, người tạo lập và là một trong những cốt lõi gắn với sự trường tồn của công ty. Trách nhiệm của TVHD được áp dụng theo tỉ lệ vốn góp vào công ty hoặc do sự thoả thuận giữa các TVHD. Như vậy, nếu xem xét về trách nhiệm của CTLHD, của thành viên CTLHD so với CTCP, công ty TNHH có thể nhận thấy rằng: Sự khác biệt này nằm ở chỗ nó vừa mang tính chịu trách nhiệm hữu hạn vừa mang tính chịu trách nhiệm vô hạn. Tuy nhiên, ở phương diện nhất định, điều này đã giúp công ty phát huy được tính ưu việt của cả hai loại trách nhiệm (trách nhiệm hữu hạn và trách nhiệm vô hạn) tạo nên thế mạnh của CTLHD. Đồng thời, điều đó vừa hạn chế sự thâm nhập của người ngoài vào công ty (không phát hành cổ phiếu, trái phiếu) vừa có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài công ty (thông qua sự tham gia của TVGV) mà không phá vỡ nền tảng tổ chức và quản lý công ty [38].

#### *Quản trị công ty:*

Quản trị CTLHD được xem là hệ thống các thiết chế, chính sách, thông lệ nhằm định hướng, vận hành và kiểm soát. Quản trị CTLHD cũng bao hàm mối quan hệ giữa nhiều bên, không chỉ trong nội bộ công ty như các thành viên, ban GD, HĐQT mà còn những bên có lợi ích liên quan bên ngoài công ty như cơ quan quản lý nhà nước, đối tác kinh doanh và cả môi trường, cộng đồng, xã hội. Sự khác biệt từ cách tiếp cận về quản trị CTLHD với các loại hình công ty khác được thể hiện ở một số điểm chủ yếu sau:

Một là quản trị công ty theo xu hướng tách dần giữa sở hữu và điều hành công ty. Theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với CTCP, đặc biệt là công ty đại chúng sẽ phát triển theo xu hướng sở hữu tách rời dần khỏi điều hành. Một trong những ưu điểm của mô hình quản trị này là tăng cường kiểm soát của thành viên hội đồng quản trị nhằm hạn chế và chống hành vi lạm quyền của người đứng đầu điều hành công ty (GD công ty). Ngược lại, quản trị trong công ty khác như: Công ty TNHH một thành viên, CTHD, CTLHD, sự tách bạch giữa sở hữu và điều hành không rõ nét và thường chịu tác động từ tư tưởng, thói quen hay truyền thống, tập quán và có thể dung hoà bởi các thiết chế phi chính phủ.

Hai là về cơ chế người đại diện. Các công ty đối vốn như CTCP hay công ty TNHH hai thành viên trở lên thì “quyền lực” trong công ty phụ thuộc vào số vốn

thành viên góp vào công ty. Mức độ và phạm vi kiểm soát thực hiện “quyền lực” đó được thể hiện qua lá phiếu bầu mà nền tảng của nó xác định trên cơ sở tỉ lệ vốn góp vào công ty của thành viên. Người đại diện CTCP, công ty TNHH có thể là chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch công ty TNHH hoặc GD công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Chức danh GD công ty có thể là thành viên công ty hoặc là người ngoài công ty.

Thực tế cho thấy những người quản lý công ty này thường là các thành viên chiếm giữ số vốn góp lớn vào công ty. Chính điều đó có thể là nguy cơ dẫn đến tình trạng lũng đoạn, thu tóm công ty hay thực hiện các giao dịch có tính chất tư lợi của các thành viên “cá mập” trong công ty. Tuy nhiên, đối với mô hình CTHD, CTLHD thì quyền đại diện cho công ty thuộc về tất cả các TVHD. Các TVHD thống nhất lựa chọn người đại diện cho công ty trong số các TVHD công ty. Như vậy, việc thiết lập quyền bình đẳng giữa các TVHD đã được ghi nhận mà không phụ thuộc vào tỉ lệ chiếm hữu vốn trong công ty nhiều hay ít. Đối với CTLHD thì người đại diện là thành viên công ty và phải là luật sư. Người đại diện cho CTLHD được ghi nhận bằng các cơ sở pháp lí: Hợp đồng thành lập công ty, Điều lệ công ty (được coi là bản “hiến pháp” của công ty) và giấy đăng kí hoạt động. CTLHD được điều chỉnh bằng các thiết chế pháp luật chung đối với doanh nghiệp đồng thời nó được điều chỉnh bởi các thiết chế pháp luật chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực ngành nghề, phong tục, tập quán, quy ước và đạo đức nghề nghiệp của luật sư.

#### **1.4. Nội dung chế định pháp luật về công ty hợp danh**

##### ***1.4.1. Nhóm các quy phạm pháp luật về tổ chức công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp 2014***

###### *1.4.1.1. Thành viên*

###### *Thành viên hợp danh:*

Số lượng TVHD tối thiểu trong công ty là hai. Điều kiện bắt buộc để trở thành TVHD là tư cách cá nhân, nghĩa là các tổ chức, pháp nhân, hộ gia đình, các hội khác không thể trở thành TVHD.

Trách nhiệm của TVHD đối với các nghĩa vụ của công ty là trách nhiệm vô hạn và liên đới phát sinh ngay từ khi đăng ký trở thành thành viên công ty, chịu

trách nhiệm kể cả khi chưa được hưởng lợi nhuận và kéo dài đến khi thực hiện xong các nghĩa vụ, kể cả khi đã chấm dứt tư cách thành viên. TVHD đã chịu trách nhiệm vô hạn trong CTHD thì không thể chịu trách nhiệm vô hạn trong doanh nghiệp tư nhân hay trong một CTHD khác.

TVHD không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, TVHD phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Mỗi TVHD đều có các quyền của chủ công ty. Các TVHD có nghĩa vụ tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và tất cả thành viên.

Tư cách TVHD trong công ty chấm dứt khi thành viên đó chết hoặc bị Tòa án tuyên đã chết, mất tích hay bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Ngoài ra, khi TVHD rút vốn được sự đồng ý của các thành viên còn lại, hoặc bị khai trừ khỏi công ty, tư cách thành viên cũng chấm dứt. Tư cách TVHD không thể chuyển nhượng hay thừa kế.

#### *Thành viên góp vốn:*

LDN không quy định TVGV phải là cá nhân, do đó ngoài cá nhân, thì các tổ chức, pháp nhân, các hội đều có quyền góp vốn và trở thành thành viên trong CTHD (loại trừ những trường hợp tại Khoản 3 Điều 18 LDN 2014). TVGV chỉ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp, tức là chịu trách nhiệm hữu hạn, không liên đới. Xuất phát từ tính chịu trách nhiệm hữu hạn đó nên Luật không trao quyền quản lý điều hành công ty cho họ. Trong quan hệ với bên thứ ba, TVGV cũng không có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty [26, Tr. 69].

Tư cách TVGV trong CTHD phát sinh từ khi đăng ký góp vốn và kết thúc khi họ rút vốn góp hoặc chuyển nhượng vốn góp cho người khác.

Về số lượng TVGV, không có quy định nào về số lượng tối thiểu và tối đa, quyền quyết định thuộc về HĐTV công ty.

#### *1.4.1.2. Cơ cấu tổ chức, quản lý trong công ty hợp danh*

HĐTV là cơ quan cao nhất trong việc quản lý và điều hành hoạt động của CTHD bao gồm tất cả các thành viên tham gia. Tuy thành phần trong HĐTV bao gồm cả TVGV, nhưng quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐTV chỉ thuộc về TVHD. HĐTV bầu một TVHD làm chủ tịch HĐTV, đồng thời kiêm GD, TGD nếu Điều lệ không quy định khác.

Chủ tịch HĐTV có nhiệm vụ quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty với tư cách là TVHD. GD có nhiệm vụ phân công công việc kinh doanh giữa các TVHD.

Các TVHD cùng nhau điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Khi một số hoặc tất cả các TVHD cùng thực hiện công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số. Trong hoạt động kinh doanh của công ty, tất cả các TVHD đều có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

TVHD phân công đảm nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát hoạt động công ty. Mỗi TVHD đều có quyền kiểm tra, giám sát, yêu cầu cung cấp thông tin từ công ty và TVHD khác về tình hình kinh doanh, tài sản, sổ sách kế toán và các thông tin khác khi cần thiết.

#### ***1.4.2. Nhóm các quy phạm pháp luật về hoạt động công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp 2014***

##### *1.4.2.1. Vốn trong công ty hợp danh*

*Vốn điều lệ và vốn huy động:*

Vốn điều lệ là số vốn do tất cả thành viên góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty.

Là một loại hình công ty mang bản chất đối nhân, lại tồn tại hai loại thành viên với quy chế pháp lý khác nhau, nên vốn góp trong CTHD có điểm khác so với các công ty đối vốn. Vốn góp của TVHD ngoài các yếu tố vật chất tồn tại dưới dạng tiền, tài sản như vốn góp của các loại hình công ty khác hay như vốn góp của TVGV, còn tồn tại dưới dạng phi vật chất, đó là những yếu tố như uy tín nghề nghiệp, kinh nghiệm, danh tiếng, tên riêng, những yếu tố gắn liền với nhân thân



thành viên, và chỉ có thể có ở TVHD. Loại vốn góp này tạo nên nét đặc trưng riêng biệt của CTHD.

Đối với các loại vốn góp bằng tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất, thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Thành viên sẽ được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp tại thời điểm góp đủ vốn như đã cam kết.

Khoản 3 Điều 172 LDN 2014 quy định CTHD không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Do đó CTHD có thể huy động vốn bằng cách khác như tăng vốn góp của các thành viên trong công ty, tiếp nhận thành viên mới, hoặc kêu gọi các tổ chức cá nhân đầu tư góp vốn.

*Vấn đề chuyển nhượng vốn, rút vốn:*

Pháp luật quy định rất chặt chẽ đối với việc chuyển nhượng vốn của các TVHD. Một thành viên muốn chuyển nhượng vốn góp cần phải được sự đồng ý của tất cả các TVHD còn lại. Nếu chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, có nghĩa là người nhận chuyển nhượng sẽ tiếp nhận luôn tư cách thành viên, các quyền và nghĩa vụ của thành viên chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng (loại trừ các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chuyển nhượng, thành viên chuyển nhượng vẫn tiếp tục liên đới chịu trách nhiệm).

Việc rút vốn của TVHD cũng phải tuân thủ theo các quy định chặt chẽ của pháp luật, của Điều lệ công ty. Trước hết, phải được thông qua và được sự đồng ý của HĐQT, và phải lựa chọn thời điểm hợp lý. Chỉ được rút vốn sau khi kết thúc năm tài chính và đã thông qua báo cáo tài chính của năm tài chính. Sau khi rút khỏi công ty, phần vốn góp của TVHD được hoàn trả theo quy định tại Điều lệ công ty, hoặc theo giá thỏa thuận giữa các thành viên. TVHD sau khi rút vốn vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty trước khi thực hiện việc đăng ký chấm dứt tư cách thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trái ngược với TVHD, vấn đề chuyển nhượng hoặc rút vốn của TVGV không bị ràng buộc nhiều bởi pháp luật. Họ được quyền tự do chuyển nhượng phần vốn

góp của mình cho bất kỳ người nào nếu Điều lệ công ty không hạn chế. TVGV có quyền định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trường hợp chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành TVGV của công ty. Khi chuyển nhượng toàn bộ hoặc cho tặng vốn góp, tư cách thành viên của họ chấm dứt ngay, không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào của công ty.

#### *1.4.2.2. Tư cách pháp lý của công ty hợp danh*

CTHD có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Khoản 2 Điều 172 LDN 2014).

Giống như pháp luật các nước trên thế giới, BLDS Việt Nam quy định một tổ chức có tư cách pháp nhân phải có đầy đủ các dấu hiệu sau: Được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Có thể nhận thấy ngay việc CTHD không thỏa mãn điều kiện có tài sản độc lập và tự chịu trách nhiệm với tài sản đó. Thực chất, các tổ chức có tư cách pháp nhân khác tổ chức không có tư cách pháp nhân chủ yếu ở việc tự chịu trách nhiệm độc lập bằng tài sản riêng, hay nói cách khác là chế độ trách nhiệm hữu hạn. Về mặt lý thuyết không thể chứng minh được CTHD là một thực thể pháp lý độc lập.

Như vậy, LDN Việt Nam dù mâu thuẫn với BLDS về tư cách pháp nhân của CTHD, nhưng nhằm mục đích khuyến khích loại hình doanh nghiệp đã không còn mới mẻ nhưng lại ít phát triển về số lượng này mà các nhà làm luật đã quy định tư cách pháp nhân cho nó. Thực sự điều đó có đem lại hiệu quả cho CTHD không? Chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này trong chương sau.

#### *1.4.2.3. Giải thể, phá sản công ty hợp danh*

CTHD ra đời do sự thỏa thuận của các thành viên, do đó việc kết thúc thời hạn hoạt động của công ty ghi trong Điều lệ công ty là một trong các trường hợp dẫn đến sự kiện pháp lý là giải thể công ty. Nếu hết thời hạn theo thỏa thuận ghi trong

Điều lệ mà các thành viên không thỏa thuận thêm và không xin gia hạn thì công ty sẽ bị giải thể.

Theo quy định tại Điều 201 LDN 2014, CTHD cũng có thể giải thể mà không cần đợi đến khi hết hạn trong Điều lệ công ty, chỉ cần có quyết định của tất cả các TVHD. Trường hợp này là giải thể khi công ty đang hoạt động, vì một lý do nào đó như hiệu quả kinh doanh không cao, các thành viên bất hợp tác với nhau hoặc bất kỳ lý do gì nếu thấy sự tồn tại của công ty là không cần thiết nữa.

Một trong những điều kiện thành lập CTHD là phải có ít nhất hai TVHD trở lên. Do đó, nếu trong quá trình hoạt động công ty không đủ số thành viên theo quy định cũng sẽ phải giải thể.

Cũng như các doanh nghiệp khác, CTHD bị giải thể khi bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh. Đây là trường hợp giải thể bắt buộc.

Trình tự thủ tục giải thể CTHD được thực hiện theo trình tự giải thể chung theo quy định tại Điều 202 LDN 2014 cho tất cả các doanh nghiệp.

Một trong những điều kiện để tiến hành thủ tục giải thể CTHD là các khoản nợ của công ty phải được thanh toán hết. Nếu như các TVHD đã dùng hết tài sản riêng của mình để thanh toán nhưng vẫn không trả hết nợ thì bắt buộc phải chuyển sang thủ tục phá sản công ty.

## **Kết luận Chương 1**

LDN 2014 ra đời đánh dấu sự đổi mới trong pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam, đồng thời phản ánh được tư tưởng và mục tiêu nổi bật của LDN 2014 là hình thành một khung pháp lý chung, bình đẳng áp dụng thống nhất cho mọi loại hình doanh nghiệp. Trong Chương 1, tác giả đã đưa ra một số đánh giá và nhận xét sau:

Thứ nhất, đưa ra khái niệm CTHD theo đó “*CTHD là doanh nghiệp, trong đó có ít nhất hai TVHD (đều là cá nhân) cùng hoạt động thương mại dưới cùng một pháp nhân chung và cùng liên đới chịu trách nhiệm vô hạn bằng toàn bộ tài sản của mình về các khoản nợ của công ty. Ngoài các TVHD, công ty có thể có thêm TVGV*”. Đồng thời chỉ ra đặc điểm của CTHD

khác với các loại hình doanh nghiệp khác từ đó đưa ra những ưu điểm cũng như hạn chế của mô hình này.

Thứ hai, đưa ra khái niệm tổ chức và hoạt động của CTHD. Phân tích mô hình tổ chức đặc thù của CTHD, so sánh chúng với các mô hình tổ chức trên thế giới.

Cuối cùng, đưa ra các nhóm quy phạm pháp luật điều chỉnh CTHD căn cứ vào LDN 2014 nói riêng và pháp luật doanh nghiệp nói chung.

## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY HỢP DANH Ở NƯỚC TA**

### **2.1. Thực trạng pháp luật về tổ chức của công ty hợp danh**

Pháp luật về CTHD ở Việt Nam hiện hành quy định về cơ cấu tổ chức quản lý của công ty hợp danh như sau: CTHD gồm có: HĐTV; chủ tịch HĐTV và xác định chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận này trong CTHD.

Nguyên tắc của hợp danh là công bằng và như nhau giữa các thành viên của công ty trong quan hệ nội bộ cũng như quan hệ với bên ngoài. Nói khác đi, trong CTHD không thể có hiện tượng TVHD này có nhiều quyền lợi hay trách nhiệm hơn thành viên khác. Do vậy, trong hoạt động quản lý và điều hành hoạt động của công ty không thể có hiện tượng thành viên này phải chịu sự chỉ huy của thành viên khác; các thành viên hợp danh phải tuân thủ quyết định chung của tất cả các thành viên. Nguyên tắc này phải luôn được tuân thủ, đặc biệt trong quan hệ với bên thứ ba. CTHD thường có cơ chế quản lý nội bộ linh hoạt, tùy thuộc vào thỏa thuận giữa các thành viên. Tuy nhiên, CTHD với cơ cấu cứng tại các Điều từ 177 đến 179 LDN 2014, pháp luật Việt Nam đã thể hiện sự can thiệp của Nhà nước vào cơ cấu tổ chức quản lý của CTHD. Do vậy, cách thức quản trị CTHD được LDN 2014 quy định không khác gì so với công ty TNHH. Điều đó làm tổn hại đến những đặc trưng cơ bản của hợp danh, làm giảm đi sự tự chủ của công ty cũng như các TVHD trong việc tiến hành các hoạt động kinh doanh.

#### ***2.1.1. Hội đồng thành viên***

Cũng như những tổ chức kinh tế khác, CTHD cũng là một pháp nhân có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có sự phân công và điều hành hoạt động kinh doanh. Nhưng đồng thời, do là loại hình công ty đối nhân nên việc tổ chức nội bộ và quản lý trong công ty hợp danh mang nhiều nét khác biệt và đặc trưng so với

các loại hình doanh nghiệp khác.

HĐTV bao gồm tất cả thành viên, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. HĐTV bầu một TVHD làm Chủ tịch HĐTV, đồng thời kiêm GD hoặc TGD công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. LDN 2014 đã có nhiều tiến bộ khi quy định HĐTV trong CTHD bao gồm tất cả các thành viên, tức là cả TVHD và cả TVGV, chứ không chỉ có mỗi TVHD mới được tham gia vào HĐTV. Có thể nói, quy định này đã mở rộng hơn cơ cấu của hội đồng thành viên của CTHD, khi mà ghi nhận cả vai trò của loại thành viên góp vốn trong cơ quan quản lý cao nhất này. HĐTV quyết định về tất cả các hoạt động của công ty trong các kỳ họp thông qua biểu quyết. Khi biểu quyết, trừ trường hợp điều lệ có quy định khác, mỗi TVHD có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau, không phụ thuộc vào mức vốn góp vào công ty. TVGV có quyền tham gia biểu quyết về những vấn đề quan trọng của công ty như sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty, tổ chức lại, giải thể công ty và những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ với số phiếu do điều lệ công ty quy định.

Nếu Điều lệ công ty không quy định khác thì đối với những vấn đề quan trọng theo quy định tại Khoản 3 Điều 177 LDN 2014, Nghị quyết của HĐTV có giá trị khi được ít nhất 3/4 tổng số TVHD biểu quyết tán thành. Đó là những vấn đề quan trọng như: Phương hướng phát triển công ty; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Tiếp nhận thêm TVHD mới; Chấp nhận TVHD rút khỏi công ty hoặc quyết định khai trừ thành viên... .Quyết định về các vấn đề khác được thông qua nếu được ít nhất 2/3 tổng số TVHD chấp thuận (tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định).

Việc quyết định tỷ lệ tối thiểu của TVHD trong các quyết định của công ty đã cho thấy vai trò quan trọng của TVHD trong HĐTV nói riêng và trong công ty nói chung, TVGV không được nhắc đến trong việc quản lý công ty, họ có nhất trí hay không đều không quan trọng. Quyền tham gia biểu quyết

của TVGV được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty. Khi tham gia họp, thảo luận các vấn đề của công ty mỗi TVHD có một phiếu biểu quyết hoặc có số biểu quyết khác quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty có thể tiếp nhận thêm TVHD hoặc TVGV. Việc tiếp nhận thành viên mới của công ty phải được HĐTV chấp nhận. TVHD hoặc TVGV phải nộp đủ số vốn cam kết vào công ty trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp HĐTV quyết định thời hạn khác. TVHD mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác [36, Tr. 155].

❖ *Sự khác biệt đặc thù của hội đồng thành viên công ty hợp danh:*

HĐTV trong CTHD không giống với HĐTV trong công ty TNHH: Các thành viên của HĐTV công ty TNHH đều có quyền tham gia biểu quyết, thảo luận về các vấn đề quan trọng của công ty. Nhưng ở CTHD, trong HĐTV, chỉ có các TVHD mới có quyền quyết định các vấn đề lớn của công ty, còn TVGV tuy được tham gia vào hội đồng thành viên nhưng không có quyền quản lý, điều hành công ty, không được tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề quan trọng của công ty. TVGV chỉ được tham gia vào những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ, còn những vấn đề chung quan trọng của công ty thì chỉ có TVHD mới có quyền quyết định. Như vậy, có thể thấy pháp luật cho phép nhưng thực chất họ không có “thực quyền”, tức là có mặt trong cơ quan quản lý nhưng lại không có quyền quản lý. Lý giải việc TVGV không được tham gia quản lý điều hành còn bởi: *“Nếu TVGV được thực hiện các hành vi quản lý, thì người thứ ba có thể làm tưởng rằng, họ chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn về nợ của công ty”* [2, Tr. 83]. Ngoài ra, nó còn để đảm bảo sự công bằng cho các TVHD, những người luôn phải chịu trách nhiệm đến cùng với sự tồn tại của CTHD.

### ***2.1.2. Chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc***

CTHD do HĐQT cử ra trong số các TVHD (kiêm Chủ tịch HĐQT nếu Điều lệ công ty không có quy định khác), có trách nhiệm điều hành hoạt động của công ty, gồm: Quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty với tư cách là TVHD; Triệu tập và tổ chức họp HĐQT; ký các quyết định hoặc nghị quyết của HĐQT; Phân công, phối hợp công việc kinh doanh giữa các TVHD; ký các quyết định về quy chế, nội quy và các công việc tổ chức nội bộ khác của công ty;... [2, Tr. 151]

#### ***❖ Triệu tập họp hội đồng thành viên:***

Việc triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 178, LDN 2014 như sau:

- Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của TVHD. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp theo yêu cầu của TVHD thì thành viên đó triệu tập họp HĐQT. Thành viên yêu cầu triệu tập họp phải chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu họp.

- Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, telex hoặc các phương tiện điện tử khác. Thông báo mời họp phải nêu rõ mục đích, yêu cầu và nội dung họp, chương trình và địa điểm họp, tên thành viên yêu cầu triệu tập họp.

- Các tài liệu thảo luận được sử dụng để quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 3 Điều 177 của Luật này phải được gửi trước đến tất cả thành viên; thời hạn gửi trước do Điều lệ công ty quy định.

- Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên yêu cầu triệu tập họp chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Nội dung biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) Họ, tên chủ tọa, thành viên dự họp; đ) Các ý kiến của thành viên dự họp; e) Các quyết định được thông qua, số thành viên chấp thuận và nội dung



cơ bản của các quyết định đó; g) Họ, tên, chữ ký của các thành viên dự họp.

❖ *Sự khác biệt trong vai trò của người đứng đầu trong công ty hợp danh:*

Vai trò của người đứng đầu CTHD cũng có sự khác biệt so với vị trí, vai trò của người đứng đầu trong công ty TNHH, CTCP. Nếu chủ tịch, GD hoặc TGD của công ty TNHH, CTCP có một vị trí quan trọng so với các thành viên khác trong công ty, có quyền thực hiện những công việc kinh doanh của công ty nhân danh chức vụ của bản thân thì chủ tịch, GD hoặc TGD trong CTHD là một TVHD (nếu Điều lệ công ty không có quy định khác trong việc tách bạch GD hoặc TGD với chủ tịch HĐQT) và không có quyền cao hơn các TVHD còn lại, không có quyền quyết định một vấn đề gì nếu không có sự thông qua của HĐQT. Chủ tịch HĐQT, GD hoặc TGD của CTHD chỉ có quyền điều phối các hoạt động kinh doanh của công ty nhưng không được tự quyết định mà phải trên cơ sở sự vạch sẵn, sự thỏa thuận và nhất trí của tất cả các TVHD với những quyền và nghĩa vụ như bao TVHD khác.

### ***2.1.3. Điều hành kinh doanh của công ty hợp danh***

Với tư cách là một chủ thể kinh doanh, các CTHD tham gia vào quan hệ pháp luật cũng thông qua hành vi của người đại diện. Tuy nhiên vấn đề đại diện trong CTHD được pháp luật của đa số các nước quy định không rõ ràng, ở chỗ, quyền đại diện trong CTHD được quy định thuộc về tất cả các TVHD. Đây là điểm đặc thù của pháp luật về CTHD so với pháp luật về các loại hình công ty khác.

Tất cả các TVHD đều có quyền đại diện cho công ty trong đàm phán ký kết hợp đồng để thực hiện các công việc được giao; Tất cả các TVHD đều tham gia đảm nhiệm các chức trách quản lý và kiểm soát trong công ty, đều được sử dụng con dấu, tài sản của công ty để hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký.

Khi nhân danh công ty thực hiện các công việc được giao, TVHD phải thực hiện một cách trung thực, không trái với Điều lệ, các quyết định của

HĐTV. Do phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình nên các TVHD không được đồng thời là thành viên của một CTHD khác hoặc chủ sở hữu của một DNTN, trừ trường hợp được các TVHD khác đồng ý. Để tránh việc lạm dụng vị trí để trục lợi riêng không có lợi cho công ty, TVHD không được tự mình hoặc nhân danh người thứ ba thực hiện hoạt động kinh doanh trong cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty. TVHD không được lạm dụng quy định cho phép đại diện cho công ty để ký kết hợp đồng nhân danh công ty nhưng xác lập và thực hiện các giao dịch khác nhằm thu lợi riêng cho cá nhân và cho người khác.

Mọi hạn chế đối với TVHD trong thực hiện kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó. Trong khi điều hành, các TVHD phân công nhau đảm nhận các chức danh quản lý và kiểm soát công ty. Khi một số hoặc tất cả các TVHD cùng nhau thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số.

Về nguyên tắc, khi có sự phân công trong việc thực hiện nhiệm vụ, mỗi TVHD sẽ chỉ phải chịu trách nhiệm về phần nghĩa vụ thuộc chức năng hoạt động của mình. Tuy nhiên, nguyên tắc này chỉ được xác lập trong trật tự nội bộ của CTHD, với người thứ ba, thỏa thuận này không có giá trị pháp lý bởi tính chịu trách nhiệm vô hạn của TVHD. Quyền hành của các TVHD được phân công là ngang nhau trong quản lý công ty thì mỗi TVHD đều phải chịu trách nhiệm về công việc của bất kỳ thành viên nào. Nói khác đi, mọi sai lầm của mỗi TVHD đều làm cho tất cả những TVHD khác đều phải liên đới chịu trách nhiệm. Hoạt động do các TVHD thực hiện ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận.

Trong CTHD, các TVGV không được tham gia quản lý công ty, không

được hoạt động nhân danh công ty.

Ở hầu hết các nền pháp luật, vấn đề tổ chức quản lý đối với CTHD pháp luật không can thiệp mà thường do các TVHD tự xác định trong hợp đồng hợp danh. Còn ở Việt Nam, pháp luật hiện hành về CTHD nói riêng và các doanh nghiệp nói chung đã đi từ nhận thức là việc quản trị nội bộ công ty do luật định để tiếp cận dần với nhận thức là công ty được tạo lập nên bởi sự thỏa thuận của các thành viên. Tuy nhiên nhận thức này thể hiện ở những quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật vẫn còn hạn chế và nhiều mâu thuẫn. Nội dung này của pháp luật thể hiện rõ sự can thiệp và làm ảnh hưởng tới quyền tự quyết của các TVHD và những đặc trưng cơ bản của hợp danh.

#### ***2.1.4. Quyền và nghĩa vụ của các thành viên hợp danh, thành viên góp vốn***

Theo LDN 2014 quy định CTHD bao gồm hai loại thành viên: TVHD và TVGV. Vì vậy, tìm hiểu quy chế thành viên trong CTHD là phân tích hai loại thành viên này cùng những quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của nó

TVHD là loại thành viên cơ bản trong CTHD, là điều kiện cần thiết và tiên quyết cho sự ra đời của CTHD. Đối với Việt nam, muốn thành lập CTHD phải có ít nhất là hai TVHD. Điểm b Khoản 1 Điều 172 LDN 2014 quy định: “TVHD phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty”.

Mọi cá nhân đều có quyền tham gia thành lập và quản lý CTHD trừ những đối tượng bị hạn chế theo Điều 18 LDN 2014 như cán bộ, công chức, người chưa thành niên, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị cấm hành nghề kinh doanh, ...

Theo đó, TVHD trong CTHD ở Việt Nam chỉ có thể là cá nhân, pháp luật không cho phép một pháp nhân, một tổ chức trở thành TVHD trong CTHD. Như vậy, việc phân biệt giữa cá nhân và pháp nhân là cần thiết để thiết lập đời sống pháp lý khác nhau cho chúng, song sự phân biệt đó không làm cản trở tới việc tham gia vào các hoạt động kinh tế của pháp nhân.

## **2.2. Thực trạng pháp luật về hoạt động của công ty hợp danh**

### **2.2.1. *Vốn và tài sản của công ty hợp danh***

#### **2.2.1.1 *Thực hiện góp vốn***

CTHD cũng là một loại hình doanh nghiệp vì thế vấn đề vốn luôn luôn được đặt ra. Tuy nhiên, do là công ty đối nhân nên ở loại hình CTHD, yếu tố nhân thân có vai trò chủ đạo, vốn là yếu tố thứ yếu. Trong loại hình công ty này, phần vốn góp ngoài các yếu tố vật chất còn mang lại nhiều phi vật chất như uy tín nghề nghiệp, kinh nghiệm, bí quyết công nghệ... và các yếu tố gắn liền với nhân thân khác, đây là đặc trưng của loại hình công ty đối nhân. Vốn Điều lệ được các thành viên của CTHD góp khi thành lập công ty và được ghi trong Điều lệ công ty. Số vốn mà các thành viên cam kết góp vào công ty cũng được ghi nhận trong Điều lệ của công ty. Vốn điều lệ của CTHD trong một số ngành nghề, theo quy định của pháp luật không được thấp hơn vốn pháp định.

Nếu trong các loại hình công ty đối vốn, phần vốn góp của các thành viên luôn được thể hiện dưới dạng vật chất như vàng, tiền bạc... thì ở loại hình công ty đối nhân như CTHD lại có sự khác biệt. LDN quy định CTHD ở Việt Nam có hai loại thành viên chính là TVHD và TVGV. TVGV là biểu hiện của tính đối vốn, khi mà sự xuất hiện của họ sẽ làm cho CTHD không còn mang bản chất đối nhân tuyệt đối, và cũng như các thành viên trong công ty đối vốn trong CTHD cũng được thể hiện dưới dạng vật chất. Nhưng sự khác biệt chính là ở loại TVHD – vì nó chính là biểu hiện của tính đối nhân cơ bản trong CTHD nên vấn đề nhân thân luôn được gắn liền với loại thành viên này. Tài sản góp vốn của TVHD có thể mang tính phi vật chất, gắn liền với nhân thân của họ như kinh nghiệm, bí quyết kinh doanh, uy tín... điều đó tạo nên một cơ cấu vốn đa dạng trong CTHD, nhằm phân biệt với các loại hình doanh nghiệp khác.

Việc góp vốn của các thành viên trong CTHD được quy định tại Điều

173 LDN 2014:

- TVHD và TVGV phải góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết.
- TVHD không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết gây thiệt hại cho công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty.
- Trường hợp có TVGV không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp đủ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với công ty; trong trường hợp này, TVGV có liên quan có thể bị khai trừ khỏi công ty theo quyết định của HĐQT.
- Tại thời điểm góp đủ vốn như đã cam kết, thành viên được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; c) Vốn Điều lệ của công ty; d) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên; loại thành viên; đ) Giá trị phần vốn góp và loại tài sản góp vốn của thành viên; e) Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp; g) Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp; h) Họ, tên, chữ ký của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp và của các TVHD của công ty.
- Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

Việc thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp trong CTHD là một quy định mới so với trước kia. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định rõ số vốn chưa góp đủ là khoản nợ của thành viên có thể bị khai trừ ra khỏi công ty. Những quy định trên đã cụ thể hóa trách nhiệm của thành viên công ty trong trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết, trên cơ sở đó xúc tiến việc tiến hành góp vốn nhanh chóng và hiệu quả.

#### *2.2.1.2. Tài sản của công ty hợp danh.*

Nếu ngành nghề kinh doanh không thuộc danh mục yêu cầu phải có vốn

pháp định thì các sáng lập viên có thể tự do thỏa thuận mức vốn Điều lệ, phần đóng góp của các bên, thỏa thuận các loại tài sản dùng làm vốn góp, cách thức định giá và chuyển giao chúng cho CTHD. Về nguyên tắc nhiều loại tài sản có thể được dùng làm vốn góp, ví dụ như tiền, vàng, nhà đất... và các loại tài sản khác do các bên tự thỏa thuận. Người góp vốn phải chuyển giao sở hữu vốn góp sang cho CTHD, từ khối tài sản đó hình thành nên tài sản riêng của công ty. Đối với nhà đất, bên giao và bên nhận phải tiến hành thủ tục theo Khoản 1 Điều 36, Khoản 1 Điều 174 LDN 2014.

Phần vốn góp của TVHD và TVGV được chuyển quyền sở hữu cho công ty và ghi vào Điều lệ công ty, đó chính là vốn điều lệ của CTHD. Ngoài vốn điều lệ CTHD còn có các loại tài sản khác [2, Tr. 151].

Theo Điều 174 LDN 2014, tài sản của CTHD bao gồm:

- Tài sản góp vốn của các thành viên đã được chuyển quyền sở hữu cho công ty.

- Tài sản tạo lập được mang tên công ty.

- Tài sản thu được từ hoạt động kinh doanh do các TVHD thực hiện nhân danh công ty và từ các hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký của công ty do các TVHD nhân danh cá nhân thực hiện.

- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

#### 2.2.1.3. *Chuyển nhượng vốn, huy động vốn.*

❖ *Chuyển nhượng vốn của thành viên hợp danh:*

Pháp luật quy định rất chặt chẽ đối với việc chuyển nhượng vốn của các TVHD. Một thành viên muốn chuyển nhượng vốn góp cần phải được sự đồng ý của tất cả các TVHD còn lại. Nếu chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, có nghĩa là người nhận chuyển nhượng sẽ tiếp nhận luôn tư cách thành viên, các quyền và nghĩa vụ của thành viên chuyển nhượng tính đến thời điểm chuyển nhượng (loại trừ các nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm chuyển nhượng, thành viên chuyển nhượng vẫn tiếp tục liên đới chịu trách nhiệm).

Khoản 3 Điều 175 LDN quy định: “*TVHD không được quyền chuyển*

*một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác nếu không được sự chấp thuận của các TVHD còn lại*". Như vậy, pháp luật đã hạn chế việc chuyển nhượng vốn góp của TVHD cho người khác. Khi TVHD chuyển nhượng phần vốn góp đó cho thành viên ngoài công ty, nghĩa là công ty sẽ phải tiếp nhận một thành viên mới mà có thể người đó hoàn toàn không hề quen biết, điều này ảnh hưởng đến bản chất đối nhân của CTHD là yếu tố nhân thân luôn được các thành viên quan tâm đến hàng đầu, ít quan tâm đến yếu tố vốn. Các thành viên liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, chính vì vậy mà cũng cần phải có mối quan hệ thân thiết và sự tin tưởng giữa thành viên hợp danh cũ đối với thành viên hợp danh mới. Trước đây, GS. Vũ Văn Mẫu từng viết: *"Ở trong hội hợp danh hay hội hợp tư, cá nhân của các hội viên được chú trọng đặc biệt, các cổ phần thường không thể được chuyển nhượng cho người ngoài"* [14, Tr. 413].

Việc rút vốn của TVHD cũng phải tuân thủ theo các quy định chặt chẽ của pháp luật, của Điều lệ công ty. Trước hết, phải được thông qua và được sự đồng ý của HĐQT, và phải lựa chọn thời điểm hợp lý. Chỉ được rút vốn sau khi kết thúc năm tài chính và đã thông qua báo cáo tài chính của năm tài chính. Sau khi rút khỏi công ty, phần vốn góp của TVHD được hoàn trả theo quy định tại Điều lệ công ty, hoặc theo giá thỏa thuận giữa các thành viên. TVHD sau khi rút vốn vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty trước khi thực hiện việc đăng ký chấm dứt tư cách thành viên với cơ quan đăng ký doanh nghiệp [11].

❖ *Chuyển nhượng vốn của thành viên góp vốn:*

Còn đối với TVGV trong CTHD, bởi tính chất đối vốn của nó nên việc chuyển nhượng phần vốn góp của loại thành viên này cho người khác là khá tự do và dễ dàng. Điều này cũng dễ hiểu bởi các TVGV chỉ là những nhà trợ lực về vốn cho công ty, giúp công ty có khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh của

mình, việc thanh đổi loại thành viên này cũng không làm ảnh hưởng đến cơ cấu nhân sự, sự tồn tại của công ty cũng như tính đối nhân của nó.

Trái ngược với TVHD, vấn đề chuyển nhượng hoặc rút vốn của TVGV không bị ràng buộc nhiều bởi pháp luật. Họ được quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho bất kỳ người nào nếu Điều lệ công ty không hạn chế.

TVGV có quyền định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, trường hợp chết hoặc bị Tòa tuyên bố là đã chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành TVGV của công ty. Khi chuyển nhượng toàn bộ hoặc cho tặng vốn góp, tư cách thành viên của họ chấm dứt ngay, không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ nào của công ty [36, Tr. 151].

❖ *Huy động vốn:*

Khoản 3 Điều 172 LDN quy định: “*CTHD không được phát hành bất cứ loại chứng khoán nào*”. Xuất phát từ bản chất đối nhân của CTHD, yếu tố nhân thân luôn được coi trọng hàng đầu, việc thay đổi TVHD là hết sức khó khăn và phức tạp, nếu cho phép CTHD phát hành và chào bán chứng khoán đồng nghĩa với việc sẽ có người ngoài mua và đương nhiên họ trở thành TVHD của công ty mặc dù không có mối quan hệ nhân thân nào cả, điều này sẽ ảnh hưởng đến tính đối nhân – bản chất cơ bản của CTHD – một loại hình công ty đối nhân.

Trong quá trình hoạt động, CTHD có thể tăng vốn Điều lệ bằng một trong hai cách sau: Thứ nhất, tăng phần vốn góp của các thành viên công ty và thứ hai, kết nạp thành viên mới vào công ty và tiếp nhận phần vốn góp của họ. Thành viên mới tiếp nhận có thể là TVHD và cũng có thể là TVGV. Việc tăng vốn Điều lệ phải được HĐTV của CTHD thông qua với ít nhất  $\frac{3}{4}$  tổng số TVHD đồng ý. Quy định về việc tiếp nhận thành viên mới của CTHD được LDN quy định tại Điều 181. Những quy định của LDN 2014 khó có thể giúp



cho CTHD trong tăng vốn Điều lệ, mở rộng hoạt động kinh doanh sản xuất, tăng sức hấp dẫn của loại hình doanh nghiệp này với các nhà đầu tư.

### ***2.2.2. Tiếp nhận, chấm dứt tư cách thành viên***

#### ***2.2.2.1. Tiếp nhận thành viên mới***

Theo Điều 181 LDN 2014 việc tiếp nhận thành viên mới được quy định như sau:

- Công ty có thể tiếp nhận thêm TVHD hoặc TVGV; việc tiếp nhận thành viên mới của công ty phải được HĐQT chấp thuận.

- TVHD hoặc TVGV phải nộp đủ số vốn cam kết góp vào công ty trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp HĐQT quyết định thời hạn khác.

- TVHD mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thoả thuận khác.

Trường hợp CTHD tiếp nhận thành viên mới, chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo các Khoản 1, 2 và Điều 180 của LDN thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi thành viên hợp danh, CTHD gửi thông báo đến phòng đăng kí kinh doanh nơi công ty đã đăng kí doanh nghiệp [20, Tr. 170].

#### ***2.2.2.2. Chấm dứt tư cách thành viên.***

Về việc chấm dứt tư cách thành viên của TVHD, tại Khoản 1 Điều 180 LDN 2014 quy định tư cách TVHD chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- *Tự nguyện rút vốn khỏi công ty:* Việc cho phép các TVHD được quyền rút vốn khỏi công ty đã tạo một cơ chế thông thoáng, linh hoạt cho các thành viên đó có thể tạm ngừng kinh doanh vì hoàn cảnh cá nhân hoặc chuyển hướng sang các mô hình kinh doanh khác có lợi hơn. Nhưng việc rút vốn cũng kéo theo việc thay đổi nhân sự, cơ cấu quản lý và điều hành công ty, gây khó khăn cho công ty, bởi TVHD nắm vai trò quyết định. Bởi vậy LDN cho

phép các TVHD có quyền rút vốn khỏi công ty đồng thời có những quy định ràng buộc đối với hành vi rút vốn của loại thành viên này: “*TVHD chỉ được rút vốn nếu được HĐTV chấp thuận và phải thông báo bằng văn bản rút vốn chậm nhất sáu tháng trước ngày rút vốn; chỉ được rút vốn vào thời điểm kết thúc năm tài chính và báo cáo năm tài chính đó đã được thông qua*” [20, Tr. 171]. Và đương nhiên khi rút vốn khỏi công ty thì đồng nghĩa với việc cá nhân đó không còn tư cách là TVHD của công ty nữa.

- *Chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết*: Trường hợp này, người thừa kế của thành viên đó được hưởng phần giá trị tài sản tại công ty sau khi đã trừ đi phần nợ thuộc trách nhiệm của thành viên đó. Và người thừa kế chỉ được trở thành TVHD của công ty nếu được HĐTV chấp thuận [8, Tr. 164].

- *Bị Tòa án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự*: TVHD nắm vai trò hết sức quan trọng trong tất cả mọi công việc từ quản lý nội bộ đến điều hành các hoạt động kinh doanh của công ty, đòi hỏi TVHD là cá nhân phải có năng lực, do đó việc vắng mặt cũng như việc TVHD bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của công ty, vậy nên tư cách thành viên của người đó phải chấm dứt. Trong trường hợp này, phần vốn góp của người đó được hoàn trả công bằng và thỏa đáng [8, Tr. 165].

- *Bị khai trừ khỏi công ty*: Khi bị một công ty khai trừ, tức là TVHD đó đã làm những việc không đúng, không đáp ứng yêu cầu và làm ảnh hưởng tiêu cực đến công ty, họ không còn xứng đáng là thành viên của công ty và bị chấm dứt tư cách thành viên. Khoản 3 Điều 180 LDN 2014 đã quy định những trường hợp TVHD bị khai trừ khỏi công ty, đó là: Không có khả năng góp vốn hoặc không góp vốn như đã cam kết sau khi công ty đã có yêu cầu góp vốn lần thứ hai; Vi phạm quy định tại Điều 175 LDN; Tiến hành công việc kinh doanh không trung thực, không cẩn trọng hoặc có hành vi không thích hợp khác gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của công ty và các thành

viên khác; Không thực hiện đúng các nghĩa vụ của TVHD.

- *Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.*

Như vậy, có thể nhận thấy TVHD là loại thành viên cơ bản của CTHD, là điều kiện tiên quyết cho sự ra đời của công ty, nắm giữ vai trò quan trọng trong quản lý và điều hành mọi công việc của công ty, đồng thời chịu chế độ trách nhiệm liên đới và vô hạn đối với mọi khoản nợ cũng như các nghĩa vụ của CTHD.

### ***2.2.3. Tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty hợp danh***

Điểm khác biệt rất lớn của CTHD đối với các loại hình doanh nghiệp khác đó là cho dù công ty có tổ chức lại, giải thể hay phá sản chấm dứt sự tồn tại hoạt động của mình cả về mặt pháp lý lẫn thực tế. Thì CTHD và TVHD nói riêng vẫn phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ cũng như các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong thời gian đã hoạt động của mình.

#### ***2.2.3.1. Tổ chức lại công ty hợp danh***

Những hình thức tổ chức lại CTHD được quy định trong pháp luật Việt Nam là những hình thức phổ biến trong pháp luật về công ty của hầu hết các nước khác. Trong tổ chức lại CTHD, có sự mất đi và xuất hiện thêm những chủ thể mới. Vì vậy một mặt, pháp luật bảo đảm quyền tự do kinh doanh, mặt khác, pháp luật phải quan tâm và đưa ra những biện pháp tích hợp để bảo vệ lợi ích của bên thứ ba như chủ nợ, người lao động... Hai mặt đó có tác động trái chiều nhau và pháp luật cần phải duy trì tỷ lệ thích hợp thông qua những quy định về thủ tục đối với mỗi hình thức tổ chức lại CTHD.

Khi tiến hành tổ chức lại CTHD, ngoài việc thực hiện LDN, còn phải tuân theo quy định của Luật Cạnh tranh, nhất là trong việc hợp nhất và sáp nhập CTHD.

Đối với loại hình CTHD thì vấn đề chia – tách và chuyển đổi là không thể thực hiện được vì sẽ làm mất bản chất của CTHD, mà chỉ có thể thực hiện việc hợp nhất – sáp nhập công ty vì việc hợp nhất và sáp nhập chỉ làm gia

tăng số lượng thành viên (góp vốn và hợp danh) nên không làm mất đi bản chất của CTHD.

❖ *Hợp nhất công ty hợp danh:*

Hai hoặc một số doanh nghiệp (các doanh nghiệp bị hợp nhất – công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một doanh nghiệp mới (doanh nghiệp hợp nhất – công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang doanh nghiệp hợp nhất. Sau khi đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác phát sinh trước khi hợp nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất [39]

Thủ tục hợp nhất công ty được quy định như sau:

Thứ nhất, các công ty bị hợp nhất chuẩn bị hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất.

Thứ hai, các thành viên, chủ sở hữu công ty phải thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ công ty hợp nhất, bầu hoặc bổ nhiệm chủ tịch HĐQT, GD hoặc TGD công ty hợp nhất theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua.

Theo Luật Cạnh tranh, các doanh nghiệp tập trung kinh tế hợp nhất có thị phần kết hợp từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của các doanh nghiệp đó phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành tập trung kinh tế. Trường hợp thị phần kết hợp của các

doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế thấp hơn 30% trên thị trường liên quan hoặc trường hợp doanh nghiệp sau khi thực hiện tập trung kinh tế vẫn thuộc loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật thì không phải thông báo. Các trường hợp hợp nhất mà theo đó thị trường kết hợp của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất chiếm trên 50% thị trường liên quan, trường hợp được miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm hoặc trường hợp doanh nghiệp sau khi thực hiện tập trung kinh tế (hợp nhất) vẫn thuộc loại doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.

Sau khi đăng kí kinh doanh, các công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị hợp nhất.

Thứ ba, nếu các công ty bị hợp nhất có chi nhánh, văn phòng đại diện công ty hợp nhất phải thông báo cho phòng đăng kí kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện để bổ sung hồ sơ đăng kí của chi nhánh, văn phòng đại diện.

❖ *Sáp nhập công ty hợp danh:*

Một hoặc một số công ty cùng loại (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Sau khi đăng kí kinh doanh, công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác phát sinh trước khi sáp nhập của công ty bị sáp nhập [12].

Thủ tục sáp nhập công ty được quy định như sau:

Thứ nhất, các công ty liên quan (công ty bị sáp nhập và công ty nhận sáp nhập) chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập.

Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp của công ty bị sáp nhập thành vốn góp của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập.

Thứ hai, các thành viên, chủ sở hữu công ty phải thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ công ty nhận sáp nhập và tiến hành đăng kí kinh doanh công ty nhận sáp nhập. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng kí kinh doanh phải kèm theo hợp đồng sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua.

Sau khi đăng kí kinh doanh, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập. Những quy định của Luật cạnh tranh về tập trung kinh tế đối với việc hợp nhất doanh nghiệp nói trên cũng áp dụng đối với sáp nhập doanh nghiệp.

Thứ ba, nếu các công ty bị sáp nhập có chi nhánh, văn phòng đại diện và nơi công ty nhận sáp nhập để bổ sung hồ sơ đăng kí của chi nhánh, văn phòng đại diện và của công ty nhận sáp nhập.

#### *2.2.3.2. Giải thể công ty hợp danh*

Giải thể doanh nghiệp nói chung và CTHD nói riêng là việc một doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh, không tiếp tục tồn tại trên thị trường với tư cách là một chủ thể kinh doanh. Hậu quả của giải thể là mất đi chủ thể pháp lý đã đăng kí kinh doanh [8, Tr. 189]. Vấn đề giải thể được quy định tại các Điều 201 – 202 LDN.

#### *Trường hợp và điều kiện giải thể:*

CTHD bị giải thể trong hai trường hợp: Giải thể tự nguyện và giải thể bắt buộc.

Giải thể tự nguyện khi: (i) kết thúc thời gian hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; (ii) theo quyết định của tất cả TVHD. Tự nguyện giải thể doanh nghiệp là một trong những nội dung của quyền tự do kinh doanh. Chủ doanh nghiệp, vì những lí do riêng có thể thực hiện giải thể doanh nghiệp của mình.

Giải thể bắt buộc trong những trường hợp: (i) công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn sáu tháng liên tục; (ii) bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp; (iii) bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư; (iv) bị Tòa án tuyên bố giải thể.

Trong mọi trường hợp, công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Điều kiện cơ bản để một doanh nghiệp giải thể, dù là tự nguyện giải thể cũng như giải thể bắt buộc là doanh nghiệp phải thanh toán hết nợ trong kinh doanh, kể cả nợ thuế và nợ của những người lao động. Rõ ràng là trong việc giải thể, dù tự nguyện hay bắt buộc, pháp luật đặc biệt quan tâm đến việc thanh toán nợ đối với các chủ nợ. Nếu công ty còn nợ trong kinh doanh thì doanh nghiệp này không thể chấm dứt hoạt động bằng việc giải thể.

*Giải thể công ty hợp danh bị thu hồi đăng kí doanh nghiệp:*

Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, công ty phải giải thể trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại điều này.

Sau thời hạn 06 tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng kí doanh nghiệp không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng kí kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng kí kinh doanh. Trong trường hợp này, các TVHD liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán.

*Các hoạt động bị cấm khi có quyết định giải thể:*

Kể từ khi có quyết định giải thể, CTHD bị nghiêm cấm thực hiện các hoạt động sau đây: Cát giấu, tẩu tán tài sản; từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp; ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp; cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản; chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực; huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

#### *2.2.3.3. Phá sản công ty hợp danh*

Phá sản là một hiện tượng tất yếu và bình thường của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình cạnh tranh vô tận và khốc liệt của hoạt động kinh doanh, rủi ro không trả được nợ có thể đến với bất cứ chủ thể nào. Vấn đề đặt ra là chúng ta nhìn nhận phá sản theo quan điểm nào để có cách thức tác động nhằm giải quyết phá sản có lợi nhất đối với chủ nợ, người mắc nợ và đối với toàn bộ nền kinh tế. Có hai quan điểm chính liên quan đến vấn đề phá sản [17]:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, phá sản là do lãnh đạo doanh nghiệp hoặc chủ thể kinh doanh bất tài. Sự yếu kém trong quản lý doanh nghiệp và kinh doanh dẫn đến hệ quả là những chủ thể này không thể thanh toán được các khoản nợ đến hạn khiến cho doanh nghiệp phải phá sản [10]. Khi doanh nghiệp phá sản sẽ để lại những hậu quả như bạn hàng, đối tác không được nhận lại hoặc được nhận lại nhưng không đủ tài sản đã cho vay. Hơn nữa, doanh nghiệp phá sản sẽ để lại một số lượng nhất định người làm công bị thất nghiệp và tạo thành gánh nặng cho xã hội. Đối lại với những hậu quả này, xã hội cần có những biện pháp trừng phạt những người lãnh đạo trong doanh nghiệp bị phá sản. Xuất phát từ lí do đó mà quan điểm này cho rằng Luật Phá sản được ban hành nhằm hướng đến mục đích trừng phạt con nợ, loại bỏ con nợ ra khỏi cuộc chơi của thị trường. Chính vì vậy, nếu con nợ không thanh toán những khoản nợ đến hạn sẽ bị tuyên bố phá sản ngay mà không cần quan tâm đến lí do của việc không trả được nợ. Khi doanh nghiệp bị phá sản tức là



doanh nghiệp sẽ mất đi và cơ hội kinh doanh đối với các chủ sở hữu doanh nghiệp cũng không còn nữa.

Quan điểm thứ hai cho rằng, việc không trả nợ bắt nguồn từ nhiều lí do khác nhau như tình hình kinh tế không thuận lợi, tác động của thiên tai, dịch bệnh, năng lực quản trị yếu kém... Chính vì vậy, pháp luật phá sản không nên chỉ nhằm vào việc trừng trị con nợ mà nên thừa nhận thực tế phá sản là hệ quả của nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây là quan điểm được sử dụng rộng rãi trong pháp luật phá sản ở hầu hết các quốc gia hiện nay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật Phá sản 2014 thì “phá sản là tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản”.

*Điều kiện phá sản: Doanh nghiệp, mất khả năng thanh toán* là doanh nghiệp không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán [19, Tr. 1437].

Như vậy, điều kiện để CTHD có thể mở thủ tục phá sản là công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đã đến hạn trong thời hạn 3 tháng khi có yêu cầu của các chủ nợ. Ngoài ra TVHD của CTHD có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Các thủ tục giải thể và phá sản CTHD cũng giống như mọi loại hình doanh nghiệp khác, phải được thực hiện theo thứ tự nhất định theo quy định của Luật Phá sản 2014 đối với trường hợp phá sản còn giải thể thì được thực hiện theo LDN 2014.

## **Kết luận Chương 2**

Qua nội dung trình bày ở trên ta có thể thấy được khái quát chung về quy chế pháp lý tổ chức và hoạt động của CTHD. Nhưng thực tế cho thấy những quy định này còn mang nhiều bất cập trong từng quy định. Một số quy định còn hạn chế và gây cản trở con đường của các nhà đầu tư khi muốn mở loại

hình doanh nghiệp này, cũng như quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong công ty.

Thông qua bình luận các quy định của LDN 2014 về CTHD một lần nữa chúng ta cần một tư duy thông thoáng hơn trong xây dựng và áp dụng luật. Trong kinh doanh, việc lựa chọn loại hình phù hợp với ý tưởng và khả năng của mình, các thương nhân luôn cân nhắc và đánh giá toàn diện. Với những quy định hiện nay của pháp luật Việt Nam về CTHD thì loại hình này khó mà phát triển được như mong muốn. Môi trường kinh doanh ngày càng năng động, mở rộng với nhiều phương thức phong phú nên loại hình nào cũng cần cho nền kinh tế thị trường. CTHD là một mô hình hay, thể hiện được tập trung ý chí của các thành viên tham gia và nhất là tạo được sự tin cậy của bạn hàng kinh doanh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững.

## **CHƯƠNG 3**

### **GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY HỢP DANH THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

#### **3.1. Quan điểm, yêu cầu đối với tổ chức hoạt động của công ty hợp danh**

CTHD là loại hình công ty đối vốn, để cho mô hình CTHD thật sự phát triển mạnh mẽ và thu hút các thương nhân, các nhà đầu tư chọn lựa ngoài các yếu tố hành lang pháp luật thì chính bản thân các doanh nghiệp cũng cần phải có yếu tố nội lực hóa của mình.

Vì bản chất là công ty đối vốn, nên việc quản lý và hoạt động của các thành viên trong công ty đều do các thành viên này thỏa thuận với nhau trong Điều lệ, trong khuôn khổ của LDN 2014. Dưới đây là những quan điểm, yêu cầu đối với doanh nghiệp để hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý của CTHD.

##### ***3.1.1. Quan điểm đối với doanh nghiệp***

Ở một góc độ nhất định, đối với các nhà kinh doanh, sự ra đời của CTHD được nhìn nhận như một bước tiến mới của pháp luật về chủ thể kinh doanh tại Việt Nam. Thông qua việc tìm hiểu pháp luật và việc cập nhật các thông tin, giới kinh doanh hiểu rõ về bản chất của CTHD và có thể đặt CTHD vào các khả năng lựa chọn hình thức kinh doanh thích hợp cho mình. Nhưng ở góc độ khác, trong con mắt của những nhà kinh doanh những điểm yếu của CTHD so với các loại hình doanh nghiệp khác trở thành nguyên nhân làm cho họ có thể đưa CTHD ra khỏi sự lựa chọn mô hình kinh doanh của mình. Một trong những đặc điểm chính làm cho các nhà đầu tư không lựa chọn hình thức CTHD chính là chế độ trách nhiệm vô hạn của các TVHD. Từ trước tới nay, nhà đầu tư Việt Nam đã quen được hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn khi tham gia đầu tư vào hình thức công ty còn nếu lựa chọn chế độ trách nhiệm vô hạn thì họ lại không phải chia sẻ quyền quản lý với ai trong trường hợp đầu

tư thành lập DNTN. Với CTHD thì chỉ có hai cách lựa chọn: Một là chịu chế độ trách nhiệm vô hạn và chia sẻ quyền quản lý công ty với ít nhất là một người khác; hai là hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn nhưng lại không có quyền tham gia quản lý công ty. Hai lựa chọn này đều không phải là những điều mà nhà đầu tư mong đợi. Bên cạnh đó, CTHD không thể trở thành một bên của hợp đồng kinh tế theo pháp luật về hợp đồng của Việt Nam; khả năng huy động vốn của loại hình này hạn chế bởi nó không có quyền phát hành bất kì loại chứng khoán nào; tranh chấp liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của loại hình công ty này rất dễ xảy ra do quy định của luật pháp liên quan đến nó quá ít và chưa dự liệu được những loại tranh chấp này cũng như chưa đưa ra phương hướng để giải quyết chúng [42].

LDN đã đem lại cho khu vực kinh tế tư nhân những bước phát triển mới. Tuy nhiên, sự phát triển này không phải là đồng đều đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp nằm trong khu vực kinh tế này. Điển hình là sự ra đời của các CTHD còn quá chậm chạp, số lượng CTHD vẫn chỉ dừng ở hai chữ số, so với các con số hàng nghìn hay hàng chục nghìn các doanh nghiệp khác trong cùng khu vực kinh tế tư nhân trên phạm vi toàn quốc. Lý do của việc có quá ít các CTHD được đăng kí doanh nghiệp trong thời gian vừa qua là rất đa dạng. Một trong những lí do có thể nhận thấy rõ ràng nhất, đó là pháp luật về kinh tế thực sự chưa đồng bộ để tạo ra môi trường thông thoáng thực sự cho các chủ đầu tư. Thực tế các quy định pháp luật liên quan đến doanh nghiệp hiện nay còn có những điểm chưa thống nhất, những quy định pháp luật hiện hành còn đang mâu thuẫn về mục đích, dường như chỗ thì cố gắng tháo ra, chỗ lại buộc thắt nút lại. Trước tình hình này, số lượng các doanh nghiệp quen thuộc của nền kinh tế như công ty TNHH, CTCP hay DNTN bị giảm sút về mặt số lượng thì CTHD cũng không tránh khỏi những ảnh hưởng nặng nề. Với số lượng ít ỏi của CTHD, càng chứng tỏ nhận thức của xã hội nói chung và của các nhà đầu tư nói riêng đối với CTHD vẫn còn ở một giới hạn mà tại giới

hạn đó chưa đủ sức thúc đẩy các nhà đầu tư lựa chọn mô hình CTHD làm cơ sở kinh tế cho chính mình [43].

*Ưu thế của công ty hợp danh trong nền kinh tế thị trường Việt Nam hiện nay:*

Thứ nhất, CTHD theo pháp luật Việt Nam có thể kết hợp cả hai loại chế độ trách nhiệm, trách nhiệm vô hạn cho những TVHD và chế độ hữu hạn cho những TVGV. Vì thế, nó vừa có khả năng thu hút vốn đầu tư của những nhà đầu tư cần tìm kiếm một cách thức an toàn trong kinh doanh (đó là trách nhiệm hữu hạn), lại vừa có thể dễ dàng thu hút được khách hàng khi tham gia quan hệ với công ty này, bởi lẽ hoạt động của công ty này được đảm bảo bởi chế độ vô hạn của một số TVHD. Chế độ chịu trách nhiệm vô hạn không chỉ tạo ra sự tin tưởng cho khách hàng mà tạo ra vô số thuận lợi rất cần thiết trong quá trình kinh doanh. Ví dụ với uy tín của một TVHD, công ty có thể dễ dàng được các ngân hàng, các đối tượng khác cho vay vốn, hoãn nợ, khoan nợ.

Thứ hai, CTHD là loại hình công ty duy nhất đáp ứng được nguyện vọng của hai đối tượng liên kết trong công ty. Đối tượng đầu tiên là những người có chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng đứng ra điều hành việc kinh doanh nhưng lại thiếu vốn, hoặc không có vốn. Những người này chỉ cần chấp nhận một chế độ trách nhiệm vô hạn là họ hoàn toàn có thể trở thành các TVHD của công ty. Đối tượng tiếp theo là các nhà đầu tư có vốn, nhưng lại rụt rè trong kinh doanh và không có khả năng điều hành kinh doanh. Những người này vẫn có thể trở thành TVGV của CTHD, chịu rủi ro duy nhất trên phần vốn cam kết góp vào công ty, nếu họ chấp nhận không có quyền tham gia quản lý, điều hành công ty.

Thứ ba, CTHD được thành lập dựa trên cơ sở chủ yếu là sự liên kết của những người có quan hệ quen biết nhau, có cùng chí hướng, có cùng một đam mê nghề nghiệp và thông thường các bên liên kết có những hiểu biết khá đầy đủ về nhau. Vì thế một khi liên kết lại, họ có thể dựa vào nhau để phát huy hết

thể mạnh của từng thành viên trong một nỗ lực chung là nhằm phát triển công ty. Hơn nữa, CTHD Việt Nam là do các TVHD trực tiếp điều hành, quản lý mà những thành viên này lại là những người chịu trách nhiệm vô hạn (bằng toàn bộ tài sản có của mình) trước các khoản nợ công ty. Ở góc độ khách quan thì tư cách TVHD có vẻ mang lại nhiều rủi ro, nhưng xét góc độ chủ quan thì chính vì ý thức được về trách nhiệm vô hạn của mình mà mỗi TVHD đều làm mọi cách để giảm thiểu rủi ro cho chính mình trong quá trình điều hành công ty. Đó cũng là việc các TVHD cũng nhau tìm ra phương án kinh doanh tốt nhất và luôn đặt lợi ích chung nhất của công ty lên hàng đầu. Đây là một ưu điểm khó có loại hình công ty đối vốn nào có được.

Thứ tư, cũng chính xuất phát từ quyền quản lý tuyệt đối được trao cho các TVHD mà việc tổ chức bộ máy trong CTHD rất gọn nhẹ, không phức tạp, không có sự phân hóa quyền quản lý dựa trên tỉ lệ đa vốn của bất cứ thành viên nào. Một khi đã trở thành TVHD của CTHD thì pháp luật không cần biết thành viên nào đóng góp vào công ty số vốn nhiều hơn, mà tất cả các TVHD đều có quyền ngang nhau trong quản lý. Các TVHD lúc này có sự phân công nhau điều hành và trực tiếp quản lý, thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, pháp luật cũng không can thiệp vào việc bộ máy quản lý phải được tổ chức như thế nào, vận hành ra sao như đối với các công ty đối vốn khác. Tránh được sự can thiệp này từ phía Nhà nước, các CTHD trở nên linh hoạt hơn, tự chủ hơn và phù hợp hơn với những cơ hội kinh doanh ngày càng khắt khe của nền kinh tế thị trường. Mặt khác, sự phát triển của CTHD phụ thuộc nhiều vào sự sáng tạo trong kinh doanh của các TVHD, nên mô hình CTHD phát huy được những tiềm lực to lớn về trí tuệ con người trong kinh doanh.

Thứ năm, CTHD là mô hình kinh doanh phù hợp với đặc điểm tâm lý, tư duy truyền thống của người Việt khi kinh doanh theo kiểu “buôn có bạn, bán có phường”, dựa vào dòng họ huyết thống mối quan hệ bạn bè thân thiết và với quy mô doanh nghiệp chủ yếu là vừa và nhỏ. Chúng ta cần khuyến khích

và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho loại hình này phát triển [16, Tr. 69].

### **3.1.2. Yêu cầu đối với doanh nghiệp**

*Hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp:*

Nhìn chung, việc hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đối với mọi nền kinh tế ở mọi giai đoạn phát triển, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay vì các lý do sau:

- Doanh nghiệp dù là doanh nghiệp sản xuất hay là doanh nghiệp kinh doanh thuần túy (doanh nghiệp thương mại) đều hoạt động trong một môi trường kinh doanh nhất định. Môi trường kinh doanh này bao hàm các yếu tố như luật pháp, chính trị, văn hoá, môi trường kinh doanh quốc tế, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, đối thủ cạnh tranh tiềm năng, nhà cung cấp... Các yếu tố thuộc môi trường này luôn luôn biến động hàng năm, hàng quý, hàng tháng, hàng ngày, thậm chí hàng giờ. Vì vậy, các hoạt động ngắn hạn, dài hạn, các chiến lược của doanh nghiệp cũng phải điều chỉnh và thay đổi sao cho phù hợp với sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Mà bộ máy quản lý được tạo lập để thực hiện các kế hoạch chiến lược và tác nghiệp và vì vậy nó phải biến đổi và hoàn thiện để phù hợp với tình hình mới.

- Điều kiện kinh doanh thay đổi trong doanh nghiệp, cũng như thay đổi của môi trường thường tạo ra các cơ hội và đe dọa đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và vì vậy cần phải thay đổi, hoàn thiện bộ máy quản lý để tận dụng thời cơ, tránh được các mối đe dọa nhằm đưa doanh nghiệp đạt được mục tiêu sớm hơn dự kiến. Khi quy mô của doanh nghiệp thay đổi tất yếu dẫn đến bộ máy quản lý thay đổi cho phù hợp.

- Đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, do ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp trước đây đã làm cho hạn chế về nhiều mặt đặc biệt là về bộ máy quản lý. Trước đây, do thực hiện cơ chế kế hoạch hoá tập trung, mọi chỉ tiêu kế hoạch đều được rót từ trên xuống, các nhà quản lý doanh nghiệp không cần phải quan tâm tới thị trường, khách hàng, đối thủ

cạnh tranh, nhà cung cấp, hiệu quả kinh doanh,... do vậy đã tạo nên một đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp kém năng động và khi nền kinh tế chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường cạnh tranh, các thành phần kinh tế hoạt động bình đẳng, cạnh tranh quốc tế... thì cơ chế cũ và đội ngũ cán bộ cũ tỏ ra khó phù hợp nếu họ không tự học tập và hoàn thiện. Tóm lại, khi hoạt động trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày nay, các doanh nghiệp Việt Nam cần hoàn thiện bộ máy quản lý của mình.

Nội dung hoàn thiện bộ máy quản lý: Để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý, các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện bộ máy quản lý của mình theo hướng đơn giản, gọn nhẹ và có hiệu lực để đảm bảo cho hệ thống này làm việc tối ưu, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

*Nội dung hoàn thiện bộ máy quản lý gồm:*

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy tức là hoàn thiện việc phân chia các phòng ban chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi phòng ban sao cho cơ cấu trở nên tối ưu, tinh giảm, gọn nhẹ, tiết kiệm.

- Hoàn thiện công tác cán bộ: Bao gồm hoàn thiện việc tuyển dụng cán bộ, sử dụng cán bộ, di chuyển cán bộ, trả công cho cán bộ và phát triển cán bộ.

- Hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy: Tức là hoàn thiện các nguyên tắc hoạt động của bộ máy, hoàn thiện sự phối hợp giữa các bộ phận, các phòng ban và các cá nhân nhằm thực hiện các chức năng quản lý.

Quá trình hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp: Để hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp, trước hết ta cần phân tích và đánh giá bộ máy hiện có xem bộ máy hiện tại đã đáp ứng được yêu cầu hay chưa, và đã tối ưu hay chưa.

Để phân tích bộ máy ta lần lượt phân tích ba yếu tố cơ bản của nó là:

- Phân tích cơ cấu tổ chức.

- Phân tích công tác cán bộ.

- Phân tích cơ chế hoạt động của bộ máy.



Từ những phân tích trên ta rút ra nhận xét về những ưu, khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân và từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện bộ máy [34, Tr. 11-14].

*Hoàn thiện cơ cấu tổ chức:*

*Khái niệm cơ cấu tổ chức:*

Cơ cấu tổ chức là tổng hợp các bộ phận (đơn vị và cá nhân) khác nhau, có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được chuyên môn hoá và có những trách nhiệm, quyền hạn nhất định được bố trí theo những cấp, những khâu khác nhau nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng quản lý và phục vụ mục đích chung đã xác định của doanh nghiệp.

Ta thấy rằng, bản chất của việc tồn tại cơ cấu tổ chức là dự phân chia quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý. Vì vậy cơ cấu tổ chức một mặt phản ánh cơ cấu trách nhiệm của mỗi người trong doanh nghiệp, mặt khác tác động tích cực đến việc phát triển doanh nghiệp.

Trong cơ cấu tổ chức doanh nghiệp ta thấy có các cấp quản lý, ví dụ cấp Công ty, cấp đơn vị, cấp chức năng... Các cấp quản lý này phản ánh sự phân chia chức năng quản lý theo chiều dọc (trực tuyến) thể hiện sự tập trung hoá trong quản lý. Trong cơ cấu ta thấy các bộ phận, phòng ban chức năng như phòng tổ chức, phòng tài chính, phòng Marketing, phòng nghiên cứu và phát triển, phòng sản xuất... các bộ phận, phòng ban này thể hiện sự phân chia chức năng quản lý theo chiều ngang, biểu thị sự chuyên môn hoá trong phân công lao động quản lý.

*Cơ sở khách quan của hoàn thiện cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp:*

Như đã trình bày trong phần trước, hoàn thiện bộ máy quản lý doanh nghiệp bao gồm ba nội dung cơ bản là: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hoàn thiện công tác cán bộ và hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy.

Ta thấy rằng việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức là một tất yếu khách quan bởi vì:

- Khi doanh nghiệp phát triển thì các mục đích, yêu cầu, công việc, tầm quản lý thay đổi và vì vậy cần phải thay đổi, hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho phù hợp.

- Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp khi được thiết lập thì do những lý do chủ quan hay khách quan nào đó thường chưa đạt đến mức độ tối ưu, các sai sót trong mô hình chưa tối ưu đó sẽ ảnh hưởng bất lợi đến quá trình quản lý và hoạt động của doanh nghiệp vì vậy để tăng hiệu quả của bộ máy quản lý ta cần phải hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho đến khi nó đạt đến sự tối ưu.

Quá trình hoàn thiện cơ cấu tổ chức doanh nghiệp: Để hoàn thiện cơ cấu tổ chức thì trước hết phải nghiên cứu một cách kỹ lưỡng cơ cấu hiện có và tiến hành đánh giá cơ cấu đó theo những chỉ tiêu nhất định. Để phân tích được cơ cấu ta cần biểu diễn cơ cấu dưới dạng sơ đồ. Từ sơ đồ ta có thể chỉ rõ quan hệ phụ thuộc của từng bộ phận và các chức năng mà nó phải thi hành.

Tiếp theo phân tích tình hình thực hiện các chức năng đã quy định cho từng bộ phận. Phân tích khối lượng công tác của mỗi bộ phận, phát hiện những khâu yếu.

Phân tích việc chia quyền hạn và trách nhiệm cho các bộ phận, các cấp quản lý.

Việc phân tích cơ cấu cần trả lời các câu hỏi sau:

- Cơ cấu hiện tại đã đáp ứng được các yêu cầu của chiến lược chưa?
- Điểm chưa hợp lý của cơ cấu là gì? Nguyên nhân?
- Cần phải hoàn thiện cơ cấu theo hướng nào?

Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp, phương án để hoàn thiện cơ cấu. Việc hoàn thiện cơ cấu cần được quản lý tức là phải được lập kế hoạch, tổ chức hoàn thiện, điều hành việc hoàn thiện và kiểm tra việc hoàn thiện [18, Tr. 10].

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức của công ty hợp danh**

❖ *Tư cách pháp nhân của công ty hợp danh:*

Khi nào thì luật pháp cần phải quy định cho một tổ chức có tư cách pháp

nhân? Quy định tư cách pháp nhân cho một tổ chức có lợi ích cơ bản gì?

Việc quy định tư cách pháp nhân cho một tổ chức hay đúng hơn là việc hình thành khái niệm pháp nhân đem lại nhiều lợi ích. Giáo sư Jean Claude Ricci dẫn ra đây hai lợi ích cơ bản sau đây [44]:

*Thứ nhất*, việc hình thành pháp nhân làm cho đời sống pháp luật được đơn giản hóa. Pháp nhân cho phép đơn giản hóa pháp luật. Chúng ta hãy đặt giả thiết là không có pháp nhân mà chỉ có các thể nhân. Khi đó, mỗi thể nhân thành viên đều sẽ phải tham gia vào việc ký kết các giao dịch pháp lý. Hậu quả sẽ rất phức tạp.

*Thứ hai*, việc hình thành pháp nhân làm cho đời sống pháp luật được ổn định lâu dài. Đây là một yếu tố hết sức quan trọng. Người ta thường hay nói rằng, pháp nhân không gặp phải những thay đổi bất ngờ như thể nhân. Thời gian tồn tại của một pháp nhân thường dài hơn cuộc sống của một con người. Và hoạt động của pháp nhân có thể kéo dài, thậm chí rất dài. Pháp nhân không bị ảnh hưởng bởi những biến cố xảy ra đối với thành viên của nó.

Nếu đối chiếu bản chất của loại hình CTHD vào hai lợi ích được dẫn ra trên, thì có thể thấy sự không phù hợp cơ bản khi quy định CTHD có tư cách pháp nhân.

Đối chiếu với lợi ích thứ nhất, CTHD không cần đến tư cách pháp nhân để làm đơn giản hóa pháp luật. Bản chất của các quy định của CTHD là tôn trọng tính thỏa thuận giữa các TVHD và các nguyên tắc về đại diện. Số lượng TVHD trong CTHD rất ít. Đặc biệt, theo quy định của LDN 2014, mô hình CTHD ở Việt Nam là mô hình đóng kín giữa những thân hữu có thể tin tưởng lẫn nhau [16, Tr. 60]. Một thành viên có quyền đại diện cho các thành viên còn lại trong việc ký kết giao dịch với bên thứ ba mà không gặp trở ngại nào.

Đối chiếu với lợi ích thứ hai, khác với các loại hình CTCP hay công ty TNHH, CTHD trong trường hợp gặp sự cố đối với TVHD thì có thể chấm dứt sự tồn tại của nó. Chẳng hạn, nếu CTHD chỉ có hai TVHD mà một người đột

ngột qua đời thì CTHD đứng trước nguy cơ giải thể rất cao nếu thành viên còn lại không tìm được người để tiếp tục hợp danh.

Xét từ góc độ lợi ích của TVHD, thì sự tồn tại của tư cách pháp nhân của CTHD và chế độ chịu trách nhiệm vô hạn không mang lại lợi ích lớn. ở một chừng mực nào đó, nó còn là sự cản trở.

Ở hầu hết các nước, do việc xác định hợp danh là sự liên kết của hai hay nhiều người cùng hùn vốn, tạo tài sản chung, chia sẻ quyền điều hành, cùng chịu lỗ hưởng lãi nên pháp luật đề cao sự thỏa thuận, không bắt buộc phải đăng ký kinh doanh [19]. Với điều kiện như vậy, pháp luật nhiều nước không đánh thuế thu nhập đối với CTHD, từng thành viên chịu thuế với phần thu nhập cá nhân của riêng mình. Lợi ích của những cá nhân tham gia vào hợp danh thông thường là những cá nhân này sẽ không phải chịu thuế hai lần (double taxation) [45]. Khác với loại hình hợp danh ở các nước khác, CTHD ở Việt Nam do có tư cách pháp nhân nên đương nhiên phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Khoản lợi nhuận sau thuế chia cho TVHD có thể sẽ bị đánh thuế một lần nữa. Lợi ích của các thành viên rõ ràng là bị ảnh hưởng lớn, trong khi họ đồng thời phải chịu chế độ trách nhiệm vô hạn về các nghĩa vụ của công ty.

Cũng vì các lý do đó, mà CTHD theo luật Việt Nam là mô hình kém hấp dẫn nhà đầu tư [16, Tr. 46]. Điều đó thể hiện qua các con số thống kê trên thực tế về số lượng của các doanh nghiệp theo loại hình này. Số lượng CTHD là quá ít ỏi so với số lượng các doanh nghiệp thuộc các loại hình khác.

Tư cách pháp nhân của CTHD là một điểm đặc thù của LDN 2014 vì khi CTHD chỉ có những TVHD thì đương nhiên tính trách nhiệm lại rất rõ ràng đó là chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản cá nhân (điều này mâu thuẫn với Điều 74 - BLDS 2015). Nhưng khi CTHD có thêm các TVGV thì tính trách nhiệm của các TVGV lại chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã đóng góp (điều này thì đã đạt yêu cầu về tư cách pháp nhân theo điều 74 - BLDS

2015). Lợi ích của quy định này nhìn chung là không cao, thậm chí còn hạn chế sự phát triển của loại hình công ty này.

Tuy nhiên nói bất cứ quy định nào đôi khi cũng có tính hai mặt của nó việc quy định tư cách pháp nhân của CTHD đôi khi tạo điều kiện thuận lợi hơn rất nhiều cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Bởi lẽ trong hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn một số văn bản hạn chế hoạt động đối với các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân trong một số lĩnh vực như xây dựng và đấu thầu. Mặt khác nhằm đảm bảo cho các loại hình doanh nghiệp này có đầy đủ tư cách pháp lý khi tham gia các hoạt động giao dịch cũng như tham gia tố tụng.

Như vậy, nếu loại bỏ tư cách pháp nhân của CTHD để thu hút đầu tư của các cá nhân khi lựa chọn loại hình doanh nghiệp này để khởi nghiệp bởi lý do sau:

- Thứ nhất, nếu như LDN quy định cho rằng CTHD có tư cách pháp nhân thì vô tình một cá nhân bị đánh thuế hai lần đó là vừa chịu thuế thu nhập cá nhân vừa chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [21].

- Thứ hai, Việc quy định CTHD có tư cách pháp nhân, điều này hoàn toàn trái với khái niệm “pháp nhân” của BLDS về tài sản của pháp nhân. Một trong những điều kiện để trở thành pháp nhân theo BLDS là “có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và chịu trách nhiệm bằng tài sản đó” nhưng trong CTHD mặc dù có sự tách bạch tài sản của cá nhân với tài sản của công ty nhưng bản thân TVHD phải chịu trách nhiệm bằng cả tài sản cá nhân của mình hi tài sản công ty không đủ để thực hiện một nghĩa vụ nào đó.

- Thứ ba, bản chất khi quy định một tổ chức trở thành một pháp nhân là để đời sống pháp luật được đơn giản hóa và ổn định lâu dài, nhưng theo phân tích ở trên thì CTHD không thật sự cần thiết đến mức như thế.

Còn nếu như LDN vẫn quy định CTHD có tư cách pháp nhân thì cần có một số bổ sung thêm như sau:

- Thứ nhất, quy định rõ ràng rằng nếu có nhiều sự điều chỉnh cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng LDN 2014 theo nguyên tắc áp dụng Luật.

- Thứ hai, có thể xem xét về mức thuế thu nhập doanh nghiệp đối với CTHD hoặc mức thuế thu nhập cá nhân đối với thành viên CTHD.

❖ *Số lượng thành viên công ty hợp danh:*

CTHD theo quan niệm của LDN 2014 phải có ít nhất hai TVHD, có nghĩa là hai người chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn định đối với các khoản nợ của công ty. Điều này là đúng nếu LDN 2014 không quan niệm CTHD bao gồm cả công ty hợp vốn đơn giản. Như đã nói ở trên, bản chất của CTHD đúng nghĩa là sự liên kết của các thương nhân đơn lẻ để kinh doanh dưới một tên hàng chung. Vì vậy, CTHD phải có từ hai TVHD trở lên, nếu không thì sẽ vẫn chỉ là thương nhân đơn lẻ. Còn đối với công ty hợp vốn đơn giản thì chỉ cần có một TVHD và một thành viên góp đủ vốn là đủ. Ngay ở Hoa Kỳ người ta quan niệm: “CTHD hữu hạn bao gồm hai hay nhiều người, với ít nhất một TVHD và một thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn”. Cần lưu ý thêm: “CTHD hữu hạn: gọi theo cách của chúng ta xưa kia là “công ty hợp vốn đơn giản” hay “công ty hợp tư đơn thường”. để thấy hết quan niệm sai lầm về CTHD theo pháp luật của Việt Nam hiện nay, cần khảo sát tình huống sau: A và B cùng nhau thành lập một CTHD mang tên AB. Công ty hoạt động hiệu quả, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, giải quyết được rất nhiều việc làm cho một địa bàn có nhiều người thất nghiệp, thực hiện chính sách kinh tế lớn của địa phương. Không may B qua đời để lại tài sản cho người thừa kế duy nhất là C, không có khả năng kinh doanh và không được sự tin tưởng về mặt kinh doanh của A. C không muốn rút khỏi công ty, nhưng cũng đồng thời ý chí là TVGV của công ty. A không muốn kết nạp thêm bất kỳ ai vào công ty vì không tin tưởng và không muốn chia sẻ cơ hội kinh doanh. Biết rằng tỷ lệ quyền lợi của A và B trong công ty AB bằng nhau. Để giải quyết tình huống này có các giải pháp sau:

Thứ nhất, C rút khỏi công ty. Điều này trái với ý chí của A và C. lưu ý: Luật tư không thể bắt buộc bất kì ai hành động trái với ý muốn của họ, nếu không có lý do chính đáng từ phía cộng đồng. Giả định C rút khỏi công ty, công ty chỉ còn lại mình A. lúc này công ty không thể còn là CTHD nữa, vì nó chống lại bản chất thật sự của CTHD, và xét về luật thực định thì nó cũng chống lại các quy định về CTHD.

Thứ hai, công ty AB chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn. điều này trái với ý muốn của A. hơn nữa, pháp luật việt nam hiện không dự liệu trường hợp chuyển đổi hình thức công ty đối vốn và công ty đối nhân.

Thứ ba, C thay thế vị trí TVHD của B trong công ty AB. Điều này trái với ý chí của A và C, đồng thời chống lại tính chất đối nhân (tin tưởng lẫn nhau và nhắm tới nhân thân của nhau giữa các TVHD) của CTHD.

Thứ tư, công ty AB kết nạp thêm TVHD mới. điều này cũng trái với ý chí của A và C, đồng thời chống lại tính chất đối nhân của CTHD.

Thứ năm, công ty AB giải thể để A thành lập công ty khác. Giải pháp này chống lại lợi ích của cộng đồng vì công ty đang phát triển và có nhiều đóng góp cho xã hội. đồng thời A bị mất đi cơ hội làm ăn và gánh chịu chi phí lớn cho việc tạo dựng lại công ty...

Các giải pháp trên đều có các khiếm khuyết lớn có thể khiến cho luật không đi vào đời sống xã hội, nhiều khi còn cản trở việc phát triển kinh tế, xã hội. tốt nhất là chúng ta nên chọn giải pháp mà các hệ thống tài phán trên thế giới hiện nay vẫn đang sử dụng. Đó là thiết kế quy chế pháp lý riêng cho CTHD và công ty hợp vốn đơn giản. nhưng trước hết cần phải nhận thức CTHD và công ty hợp vốn đơn giản là hai hình thức công ty khác biệt. hoặc cho phép CTHD phải có ít nhất hai thành viên, trong đó chỉ cần có một TVHD chịu trách nhiệm vô hạn.

❖ *Người đại diện của công ty hợp danh:*

LDN 2014 vẫn chưa quy định rõ ai là người đại diện cho CTHD, vì theo

quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 điều 179, thì tất cả các TVHD bao gồm cả chủ tịch HĐQT, GD có thể là người đại diện theo pháp luật cho công ty trừ khi bên thứ ba biết được hạn chế của TVHD trong giao dịch đó, trong thực tế thì để chứng minh thế nào là bên thứ ba “biết được hạn chế” là điều không dễ dàng. Mặt khác LDN 2014 quy định: “các TVHD có quyền đại diện theo pháp luật” thì điều này có nghĩa là đại diện theo pháp luật cho công ty là “quyền” của TVHD mà đã là “quyền” thì TVHD có thể thực hiện hoặc không thực hiện. điều này sẽ dẫn đến trường hợp là không có người đại diện theo pháp luật trong những trường hợp cần thiết khi mà tất cả các TVHD đều không muốn thực hiện quyền đó. Chính vì vậy nên quy định rõ người đại diện cho CTHD trong các giao dịch cụ thể đối với bên thứ ba.

❖ *Quyền và nghĩa vụ của TVGV:*

LDN 2014 đã thừa nhận sự có mặt của TVGV trong HĐQT của CTHD. Điều này cũng đồng nghĩa với việc TVGV có những quyền nhất định khi tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và được pháp luật bảo hộ. nhưng LDN 2014 đã cho thấy một thực tế hoàn toàn trái ngược. những TVGV có những quyền lợi riêng khi tham gia vào CTHD nhưng pháp luật hiện hành mà cụ thể là LDN 2014 lại thiếu cơ chế bảo vệ và lợi ích hợp pháp của họ. có thể nói như vậy bởi vì mọi việc từ lớn đến nhỏ, từ quan trọng tới không quan trọng trong công ty đều phụ thuộc vào quyết định của TVHD mặc dù TVGV cũng có quyền biểu quyết về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của họ. điều này thể hiện ở sự chấp thuận tối thiểu của TVHD theo luật định đối với mỗi vấn đề trong công ty. Những vấn đề quan trọng được quy định tại Khoản 3 Điều 177 LDN 2014 chỉ được thông qua nếu ít nhất  $\frac{3}{4}$  tổng số TVHD chấp thuận, tỷ lệ cụ thể do Điều lệ quy định. Rõ ràng, TVGV có quyền biểu quyết một vấn đề của công ty quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 182 LDN nhưng việc biểu quyết của họ không là ảnh hưởng đến quyết định của HĐQT. Với những quy định hiện hành của LDN 2014 vô hình trung quyền của các TVGV trong CTHD chỉ



tồn tại một cách hình thức, “hữu danh vô thực”.

Khi quy định về TVGV, LDN cũng quy định những giới hạn quyền của họ nhưng chưa có chế tài xử lý và chưa dự liệu đầy đủ những trường hợp vi phạm như trong luật về CTHD của những nước khác trên thế giới. Luật mới chỉ dừng lại ở chỗ không cho phép TVGV được tham gia quản lý công ty và nhân danh công ty khi giao dịch với bên thứ ba. Quy định sơ sài như vậy có thể dẫn đến tình hình là một trong các TVGV vượt quá thẩm quyền của mình trong CTHD. Vấn đề này sẽ xử lý như thế nào? Theo các quy định liên quan của pháp luật hiện hành, một hành vi kiểu như vậy sẽ bị coi là không có hiệu lực (vì người thực hiện nó không có thẩm quyền để thực hiện). Nếu xét về quyền lợi của CTHD thì rõ ràng, trong trường hợp này, CTHD sẽ không bị bất cứ một ảnh hưởng nào. Nhưng nếu xét về quyền lợi của người thứ ba giao dịch thì những người này sẽ phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi từ hành vi vô hiệu gây ra. Với pháp luật Việt Nam, một quan hệ vô hiệu sẽ được xử lý theo đường hướng chung mà không cần suy xét xem ai trong số các bên thiết lập quan hệ đó là bên có lỗi dẫn đến sự vô hiệu của giao dịch. Chẳng hạn như một quan hệ hợp đồng kinh tế bị coi là vô hiệu do một TVGV của CTHD không có đủ thẩm quyền thiết lập với một bên thứ ba thì quan hệ này sẽ được xử lý theo một cách thức chung là các bên trả cho nhau những gì đã nhận, thiệt hại phát sinh các bên tự chịu, bất luận là bên nào có lỗi, bên nào ngay tình. Để bảo vệ công chúng giao dịch trong trường hợp các TVGV lạm quyền, gây cho bên thứ ba lầm tưởng mình là TVHD của CTHD mà tin tưởng kí kết hợp đồng, pháp luật cần quy định cụ thể các chế tài đối với những TVGV. Kinh nghiệm một số nước cho thấy nếu rơi vào trường hợp này, hầu hết các nước đều bắt buộc TVGV gây ra vụ việc sẽ phải chịu trách nhiệm vô hạn - thay vào chế độ trách nhiệm hữu hạn vốn có - trước mọi khoản nợ, mọi rủi ro phát sinh từ thương vụ đó.

Điểm a, Khoản 2 Điều 182 LDN quy định TVGV “phải chịu trách nhiệm

về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp”. Nhưng tại Điểm c, Khoản 1 Điều 172 lại quy định “TVGV chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty”. Như vậy, ngay trong một văn bản luật đã có sự mâu thuẫn với nhau về giới hạn trách nhiệm của TVGV đòi hỏi phải có sửa đổi để có sự nhất quán trong pháp luật khi áp dụng vào thực tiễn.

### **3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động của công ty hợp danh**

❖ *Bổ sung thêm một số quy định về thừa kế phần vốn của thành viên đã chết hoặc mất tích:*

Sự hình thành CTHD chủ yếu dựa trên quan hệ đã có giữa các thành viên. Đây chính là đặc trưng cơ bản phân biệt nó với các loại công ty khác - các loại công ty hoàn toàn không còn tính chất đối nhân mà chỉ có đối vốn. Cũng chính đặc trưng đó tạo nên cơ chế khép kín của loại công ty này. Việc thu nhận thành viên phải dựa trên sự quen biết và được tất cả các thành viên khác tán thành. Ở LDN và các văn bản hướng dẫn thi hành, xét trên tinh thần chung của các quy định, có lẽ các nhà làm luật quá chú trọng đến điểm này, vì thế coi việc góp vốn, sở hữu vốn góp với việc trở thành thành viên công ty hoàn toàn khác nhau. Điều 31 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3/2/2000 của Chính phủ quy định tư cách thành viên của CTHD sẽ chấm dứt khi thành viên đó chết hoặc bị toà án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất tích nhưng lại không quy định là phần vốn của thành viên trong những trường hợp này có thể để thừa kế hay không. Về nguyên tắc, nếu phần vốn đó không phải mang ra để chịu trách nhiệm tương ứng đối với các nghĩa vụ của công ty thì người thừa kế của thành viên đó vẫn có quyền thừa kế. Tuy nhiên, để trở thành thành viên CTHD, những người tiếp nhận phần vốn góp lại phải được các TVHD chấp nhận, nếu không, họ sẽ buộc phải bán lại phần vốn góp của mình cho công ty hoặc cho người khác. Luật sẽ giải quyết như thế nào trong trường hợp người đó không bán được phần vốn của mình (công ty không có khả năng

mua và những người khác cũng không muốn mua)? Họ có thể được coi là chủ nợ của công ty hay bắt buộc phải tìm người mua khác? Rõ ràng quy định này đã cố gắng tạo những thuận lợi cho thành viên CTHD nhưng lại gây khó khăn cho họ khi chuyển nhượng vốn. Vì vậy, cần đặt vấn đề chuyển nhượng vốn trong mối quan hệ với các chế định khác như về quy chế thành viên, cơ cấu tổ chức... đồng thời cần có quy định bổ sung cách thức giải quyết các tranh chấp kiểu như vậy. Có thể đặt ra một số điều kiện nhất định, theo đó CTHD buộc phải thu nhận thành viên mới hoặc xây dựng thủ tục thoả thuận bắt buộc, buộc các đương sự phải đi đến thoả hiệp. Có như vậy quyền lợi của các bên liên quan mới có thể được đảm bảo đầy đủ.

❖ *Về việc huy động vốn của công ty hợp danh:*

Một nguyên nhân không nhỏ làm cho mô hình CTHD thiếu sức hấp dẫn đối với doanh giới đó là CTHD không được phép phát hành bất cứ loại chứng khoán nào. Có nghĩa là so với các loại hình doanh nghiệp khác, CTHD có khả năng huy động vốn thấp hơn rất nhiều. CTCP được pháp luật cho phép phát hành mọi chứng khoán và chỉ cấm công ty trách nhiệm hữu hạn phát hành cổ phần, tức là trong điều kiện nhất định, công ty trách nhiệm hữu hạn vẫn có thể phát hành trái phiếu để huy động vốn. CTHD là loại hình công ty đối nhân, sự thay đổi trong cơ cấu nhân sự sẽ làm ảnh hưởng đến tính “đối nhân” của nó, vì thế nó không được phép phát hành cổ phiếu. Nhưng đối với trái phiếu thì hoàn toàn có thể, bởi trái phiếu chỉ là một chứng chỉ ghi nợ, người mua trái phiếu sẽ trở thành chủ nợ của công ty, không phải là thành viên công ty, do đó việc phát hành trái phiếu để huy động vốn không làm ảnh hưởng đến tính chất đóng, hạn chế tiếp nhận thành viên của CTHD.

Nhà nước chỉ cấm các doanh nghiệp thực hiện hoạt động huy động vốn vay khi hoạt động đó có nguy cơ xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể khác. Tuy nhiên, với trường hợp CTHD, khi pháp luật quy định công ty có tư cách pháp nhân tức là công ty có khả năng trả nợ cho chính nó, bên cạnh

đó pháp luật lại quy định rằng trong công ty có những chủ thể khác (cụ thể ở đây là các TVHD) trả nợ thay cho công ty nếu công ty không có khả năng trả nợ. Vì vậy, quyền lợi của người cho vay càng được đảm bảo hơn so với các loại hình công ty khác chứ không phải là bị xâm hại. Hơn nữa, phát hành trái phiếu là quyền của công ty. Khi phát hành ra, ai mua trái phiếu đó mới là điều quan trọng. Khi đã quyết định mua trái phiếu để thu lợi nhuận trong tương lai, người mua cũng đã dự liệu được những rủi ro có thể sẽ gặp phải, họ phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình bởi rủi ro trong hoạt động đầu tư là tất yếu khách quan.

Bởi vậy, LDN cần linh hoạt hơn trong vấn đề huy động vốn của CTHD, theo đó quy định CTHD được phép phát hành trái phiếu để huy động vốn khi nó đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà pháp luật yêu cầu.

Hiện nay theo quy định của Luật Chứng khoán công ty TNHH hai thành viên trở lên và CTCP đều được phát hành trái phiếu trừ CTHD. Nguyên nhân của sự khác nhau về quyền phát hành chứng khoán giữa CTHD với các loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động theo LDN 2014 xuất phát từ tính chất đóng và hạn chế tiếp nhận thành viên mới của CTHD. Thực tế, lý do này là chưa thỏa đáng. Cổ phiếu (phổ thông) đem lại quyền sở hữu và quyền quản trị công ty cho chủ sở hữu cổ phần là các cổ đông. Trái phiếu đem lại quyền cho chủ sở hữu trái phiếu đó, họ trở thành chủ nợ của công ty và việc phát hành trái phiếu chỉ ảnh hưởng tới khả năng tài chính của công ty. Có vậy, việc pháp luật không cho phép CTHD phát hành cổ phiếu là hoàn toàn phù hợp với bản chất của công ty này. Nhưng việc phát hành trái phiếu để huy động vốn không ảnh hưởng đến tính chất đóng và hạn chế tiếp nhận thành viên mới của CTHD. Thêm vào đó, đứng từ góc độ quyền lợi của những nhà đầu tư có thể thấy chế độ chịu trách nhiệm vô hạn của các TVHD chính là một bảo đảm pháp lý an toàn và quan trọng trong vấn đề bảo vệ quyền và lợi ích của những nhà đầu tư.

❖ *Vấn đề rút vốn của TVHD:*

LDN năm 2014 vẫn chưa quy định thống nhất quyền rút vốn của các TVHD, cụ thể Khoản 3 Điều 175 quy định TVHD được quyền chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho người khác nếu được các TVHD còn lại đồng ý, có nghĩa là các TVHD còn lại phải nhất trí. Tuy nhiên, theo Khoản 4 Điều 177 và Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 180, thì TVHD được rút vốn nếu được 2/3 tổng số thành viên đồng ý.

Chính vì thế, TVHD của CTHD rất khó rút khỏi vốn của CTHD. Nếu HĐQT không chấp thuận thì thành viên đó không được rút. Quy định này hạn chế rất nhiều quyền của TVHD đồng thời có thể dẫn đến hệ lụy đó là việc TVHD đã không muốn là thành viên của CTHD nhưng công ty vẫn không cho thành viên này được thoái vốn có thể sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động và kinh doanh của công ty từ chính thành viên này.

Nên quy định cho phép TVHD được quyền rút vốn của mình một cách chủ động hơn như là yêu cầu các TVHD còn lại mua phần vốn góp của mình nếu công ty không mua lại thì TVHD đó có quyền bán phần vốn góp của mình cho bất cứ bên thứ ba nào nhưng khi bên thứ ba này nhận chuyển nhượng vốn thì tư cách chỉ là TVGV chứ không phải là TVHD. Quy định như thế vừa tránh gây phương hại đến công ty khi công ty không có vốn để mua lại phần vốn đó của TVHD nhưng vẫn không bị thiếu vốn hay thâm hụt vốn do phần vốn đã được chuyển cho 1 TVGV mới vào công ty. Về bản chất công ty không mất tiền chỉ là thêm 1 TVGV và mất 1 TVHD.

LDN chỉ cho phép CTHD được phép trả lại phần vốn góp của CTHD cho TVHD khi chấm dứt tư cách thành viên khi người đó bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự còn tất cả các trường hợp khác (trừ trường hợp bị chết thì người thừa kế được) thì đều không được trả lại phần vốn góp? Điều luật này đã gây hạn chế rất lớn cũng như thiệt thòi đối với TVHD của CTHD, bởi lẽ nếu họ gây thiệt hại, bị khai trừ khỏi công ty vì những thiệt hại hay lỗi

lầm của họ gây ra thì thật sự thích đáng, nhưng trong trường hợp khác thì họ bị mất trắng phần vốn góp của mình. Như vậy gây tâm lý rất e ngại cho các người có ý định thành lập hay trở thành TVHD của CTHD.

❖ *Quyền đòi nợ của chủ nợ:*

Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 172, Điểm đ Khoản 2 Điều 176 LDN năm 2014, thì TVHD chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty, liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để trang trải số nợ của công ty. Điều này có nghĩa chủ nợ chỉ được yêu cầu các TVHD trả nợ tiếp khi tài sản CTHD đã được thanh lý hết nhưng không đủ, nếu trong thời gian đó mà TVHD chủ động tẩu tán tài sản thì sẽ ảnh hưởng tới chủ nợ rất nhiều.

Nên Quy định theo hướng cho phép chủ nợ được yêu cầu một trong số các TVHD trả nợ khi họ chứng minh được tài sản CTHD không đủ trả nợ hoặc đã yêu cầu CTHD thực hiện trả nợ trong một thời hạn ngắn nhưng CTHD không thực hiện. Bên cạnh đó, cần quy định lại việc hạn chế của TVHD là không được làm TVHD hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân trong bất kỳ trường hợp nào.

❖ *Tổ chức lại, giải thể công ty hợp danh:*

Về cơ bản, CTHD chỉ được ghi nhận trong định nghĩa tại LDN nhưng định nghĩa này lại chia CTHD ra làm hai loại: Loại thứ nhất chỉ bao gồm các TVHD; loại thứ hai có thêm các TVGV. Quy định như vậy sẽ dẫn đến một số khó khăn nhất định khi xem xét các trường hợp giải thể bắt buộc của CTHD. Một trong những trường hợp giải thể bắt buộc cho doanh nghiệp nói chung là trong thời hạn 6 tháng liên tiếp không có đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của LDN. Đó là quy định chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp hoạt động theo LDN. Quy định này áp dụng cho các doanh nghiệp khác rất đơn giản, chỉ cần dựa vào số lượng thành viên tối thiểu mà Luật yêu cầu, chẳng hạn như đối với công ty TNHH nhiều thành viên thì số lượng

thành viên tối thiểu phải có là 2 thành viên; CTCP là 3 thành viên... Nhưng đối với trường hợp CTHD thì lại có những khác biệt. Có một số ý kiến cho rằng CTHD sẽ chỉ bị giải thể nếu không đủ số lượng TVHD tối thiểu (2 thành viên) còn việc công ty có hay không có TVGV hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến việc tiếp tục tồn tại của công ty. Tuy nhiên, hầu như tất cả các nước có quy định về loại hình CTHD đều phân chia rõ ràng 2 loại công ty mang bản chất hợp danh là CTHD thông thường và CTHD hữu hạn. Hai loại công ty này về bản chất thì tương đối giống nhau nhưng vẫn có những đặc điểm pháp lí khác biệt, được điều chỉnh bằng những quy định không giống nhau, vì thế, ngay cả điều kiện giải thể, hai loại hình công ty này cũng có những điểm khác nhau. TVGV không có quyền quản lí CTHD nhưng cũng không thể phủ nhận được vai trò của họ đối với CTHD. Một CTHD chỉ bao gồm các TVHD chắc chắn sẽ rất khác với một CTHD có cả các TVGV. Vì vậy, việc không còn TVGV trong một CTHD đang có loại thành viên này cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự tồn tại tiếp tục của công ty.

CTHD là loại hình công ty đóng đặc thù, do đó bất kì biến động nào trong phạm vi thành viên hay cơ cấu vốn góp cũng dễ ngổ khả năng phá vỡ nền tảng cơ sở của công ty và buộc nó phải chuyển đổi loại hình. Việc phân chia rõ ràng hai loại hợp danh này còn giúp cho việc chuyển đổi hình thức công ty trở nên dễ dàng hơn. Trong trường hợp CTHD hữu hạn (có TVGV) không đáp ứng điều kiện về số lượng thành viên có thể được chuyển đổi thành loại CTHD thông thường nếu nó vẫn có đủ 2 TVHD. Như vậy, thay vì phải giải thể, có thể quy định thêm một số trường hợp chuyển đổi CTHD từ loại hữu hạn sang loại thông thường và ngược lại (nếu có thay đổi nhân sự trong quá trình hoạt động).

❖ *Tăng cường hoạt động “hậu kiểm” trong hoạt động của công ty hợp danh*

Cơ chế “tiền đăng, hậu kiểm” tức là cơ quan đăng kí kinh doanh chấp nhận những thông tin do chủ doanh nghiệp, những người tham gia góp vốn kê

khai khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của những thông tin đó. Cơ quan đăng kí kinh doanh chỉ xem xét và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh; không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ khác không quy định tại LDN. Việc xác định sự trung thực, chính xác của những thông tin đã khai khi đăng ký thành lập doanh nghiệp được thực hiện bởi cơ chế hậu kiểm, tức là kiểm tra sau đăng ký thành lập doanh nghiệp. Quy định này đã giúp các doanh nghiệp rút ngắn đáng kể thời gian cho việc thành lập doanh nghiệp, nhanh chóng gia nhập thị trường, không bỏ lỡ cơ hội kinh doanh và ngăn chặn tình trạng sách nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh.

Để khắc phục khoảng trống pháp lý đó, LDN cần có quy định rõ hơn, có thể cần có một số điều quy định về hậu kiểm với những nội dung cơ bản như: Sau một năm kể từ ngày cấp đăng ký doanh nghiệp, việc hậu kiểm đối với doanh nghiệp phải được thực hiện. Vì khi đó, doanh nghiệp đã thực sự đi vào hoạt động và những vi phạm (nếu có) chưa gây hậu quả lớn, việc hướng dẫn doanh nghiệp khắc phục có những thuận lợi.

Nội dung của hậu kiểm gồm kiểm tra, xác nhận tính trung thực của các thông tin trong tờ khai đăng ký doanh nghiệp như: TVGV hoặc cổ đông sáng lập; địa chỉ trụ sở doanh nghiệp; việc góp vốn Điều lệ; việc đáp ứng những quy định về điều kiện kinh doanh (với những ngành nghề đòi hỏi điều kiện kinh doanh); Điều lệ công ty; sổ đăng ký TVGV hoặc sổ đăng ký cổ đông; giấy chứng nhận phần vốn góp... Đồng thời, có thể kiểm tra doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký thuế, ký hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội...

Cơ quan đăng kí kinh doanh chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức hậu kiểm. Song, để tránh chồng chéo trong công tác kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp và ngăn chặn hành vi sách nhiễu, tham nhũng trong hậu kiểm, cần quy



định việc hậu kiểm được thực hiện bởi thanh tra liên ngành, gồm đại diện các sở, ngành cấp tỉnh do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập.

Với mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật, cần quy định lần hậu kiểm đầu tiên đối với doanh nghiệp sau khi thành lập sẽ không xử phạt vi phạm, trừ trường hợp vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

Tăng cường công tác hậu kiểm không kém phần quan trọng để chúng ta có một cộng đồng doanh nghiệp mạnh và bền vững.

### **Kết luận Chương 3**

Trong chương 3, tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy và đưa mô hình doanh nghiệp công ty hợp danh đi vào cuộc sống một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn từ những giải pháp dựa trên yếu tố của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đồng thời dựa trên các quy định của Luật doanh nghiệp 2014 đưa ra những hướng đi pháp lý nhằm đảm bảo môi trường cho doanh nghiệp an tâm hơn đầu tư vào mô hình này.

Đồng thời đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến công ty hợp danh. Biện pháp này nhằm góp phần phổ biến sâu rộng loại hình CTHD vào đời sống xã hội và đời sống doanh nghiệp hơn qua các diễn đàn, phương tiện thông tin đại chúng bởi một thực tế hiện nay ngay cả những diễn đàn của luật sư và doanh nghiệp cũng ít đề cập, thậm chí là không đề cập đến mô hình CTHD này. Bên cạnh đó, số lượng công trình nghiên cứu khoa học về CTHD cũng chỉ ở mức hạn chế. Việc tuyên truyền sâu rộng bằng những bài viết chất lượng, đi sâu làm nổi bật bản chất và vai trò của CTHD có thể giúp mọi người hiểu rõ được bản chất pháp lý của mô hình có nhiều tiềm năng và ý nghĩa to lớn này. Làm được điều này cùng với sự điều chỉnh lại quy định của LDN sẽ góp phần đưa loại hình này vào cuộc sống một cách nhanh chóng và mạnh mẽ hơn, bởi: không có loại hình nào là không cần thiết cả.

## KẾT LUẬN

Công ty hợp danh đã tồn tại trên mặt lý luận hơn mười lăm năm, trên thực tiễn khoảng mười năm nhưng số lượng công ty hợp danh đang hoạt động vẫn không vượt quá hai con số. Có vẻ như, loại hình công ty này còn khá xa lạ đối với nhận thức chung của xã hội nói chung và giới kinh doanh, nhà đầu tư nói riêng ở Việt Nam. Để thúc đẩy sự phát triển của công ty hợp danh và phát huy vai trò của nó đối với nền kinh tế đòi hỏi cần phải có một nền tảng pháp lý ổn định và vững chắc, bên cạnh đó, các doanh nghiệp, nhà đầu tư phải hiểu đúng và đầy đủ những vấn đề pháp lý chủ yếu về loại hình công ty này. Việc tiếp tục sửa đổi bổ sung pháp luật liên quan đến công ty hợp danh để công ty hợp danh thực sự trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà kinh doanh, góp phần đa dạng hóa các loại hình doanh nghiệp, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, tạo dựng môi trường pháp lý an toàn và bảo đảm là việc làm hết sức cần thiết.

Qua nghiên cứu, so sánh luận văn đã cho ra một số kết quả mới sau:

Đưa ra được ưu, nhược điểm của công ty hợp danh đó là một trong những lý do mà tại sao, công ty hợp danh lại ít phát triển tại Việt Nam? Giải pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật bên cạnh việc điều chỉnh các quy phạm, luận văn còn kết hợp với yếu tố doanh nghiệp, nhà đầu tư cũng cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thời thế, trong môi trường hội nhập. Có sự hoàn trộn giữa yếu tố lập pháp kết hợp với sự thực hành của nhà đầu tư – hay nói cách khác giữa nâng cao nền tảng pháp lý với năng lực của chủ doanh nghiệp.

Ngoài ra còn chỉ ra các khái niệm tổ chức, hoạt động của công ty hợp danh, có sự phân tách yếu tố tổ chức, hoạt động để phân tích hiểu rõ hơn về công ty hợp danh, sau đó kết hợp chúng lại với nhau để phân loại các loại công ty hợp danh có thể có theo yếu tố vốn; mở ra hướng nghiên cứu mới về công ty hợp danh theo cách thức phân loại bản chất từng loại hình dựa theo vốn hay yếu tố thành viên trong công ty như một số nước trên thế giới và áp dụng tại Việt Nam để thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư nước ngoài, tạo sân chơi rộng hơn và cởi mở hơn để hội nhập với thế giới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Việt Anh (2008), *Về tư cách pháp nhân của công ty hợp danh*, <https://thongtinphapluatdansu.com/2008/04/29/8326>.
2. Nguyễn Mạnh Bách (2006), *Các công ty thương mại*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, Đồng Nai.
3. Nguyễn Ngọc Bích (2006), “Tại sao doanh nghiệp tư nhân không được góp vốn”, *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, số (11/2006), Tr. 46.
4. Chính phủ (2015), *Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 Về đăng kí doanh nghiệp*.
5. Chính phủ (2015), *Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp*.
6. Chính phủ (2005), *Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 Qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật cạnh tranh*.
7. Đảng cộng sản Việt Nam (1986), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng cộng sản Việt Nam*.
8. Bùi Xuân Hải và Hà Thị Thanh Bình (2013), *Chủ thể kinh doanh*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Huế (2012), *Pháp luật về công ty hợp danh ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội.
10. Dương Đăng Huệ và Nguyễn Minh Mẫn (2000), *Giáo trình Luật kinh tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Nguyễn Vĩnh Hưng (2014), *Các nguyên tắc của công ty hợp danh theo Luật doanh nghiệp năm 2014*, <http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages>.
12. Nguyễn Thị Minh Huyền (2009), “Làm rõ khái niệm sáp nhập doanh nghiệp”, *Tạp chí kinh tế và dự báo*, số (446), Tr. 72-77.
13. Luật Hoàng Phi (2016), *Đặc điểm pháp lý của công ty hợp danh*, <http://tongdaituvanluat.vn/dac-diem-phap-ly-cua-cong-ty-hop-danh/>,

14. Vũ Văn Mậu (1961), *Dân luật khái luận*, Nxb Bộ quốc gia giáo dục.
15. Vũ Quang Minh (2013), *Bộ máy quản lý và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp*, <http://voer.edu.vn/m/bo-may-quan-ly-va-co-cau-to-chuc-cuadoanhnghiep>.
16. Phạm Duy Nghĩa (2009), *Luật doanh nghiệp tình huống – phân tích – bình luận*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
17. Dương Kim Thế Nguyên (2014), *Khái niệm phá sản, thủ tục phá sản và những liên hệ đến luật phá sản năm 2014*, <http://www.nclp.org.vn>.
18. Đỗ Công Nông (2007), *Giáo trình quản trị kinh doanh*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
19. Hoàng Phê (2010), *Từ điển Tiếng Việt – Trung tâm từ điển học*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
20. Ngô Văn Tăng Phước (2006), *Giáo trình pháp luật kinh tế*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
21. Nam Phương (2007), *Không thu thuế thu nhập cá nhân của thành viên hợp danh có hợp lý?* <http://vietnamnet.vn/bandocviet/2007/11/753370/>
22. Đồng Thái Quang (2014), “Công ty hợp danh theo pháp luật cộng hòa Pháp và một vài so sánh với Việt Nam”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, số (270), Tr. 34-38.
23. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*.
24. Quốc hội (2015), *Bộ Luật dân sự năm 2015*.
25. Quốc hội (2014), *Luật Cạnh tranh năm 2004*.
26. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư năm 2014*.
27. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp năm 2014*.
28. Quốc hội (2012), *Luật Luật sư năm 2012 (sửa đổi)*.
29. Quốc hội (2014), *Luật Phá sản năm 2014*.
30. Quốc hội (2012), *Luật Thuế thu nhập cá nhân năm năm 2012 (sửa đổi)*.
31. Quốc hội (2013), *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 (sửa đổi)*.
32. Quốc hội (2005), *Luật Thương mại năm 2005*.

33. Mai Hồng Quỳ (2012), “Một số vấn đề về tự do kinh doanh và tự do hoạt động ở Việt Nam”, *Tạp chí khoa học pháp lý*, số (2/2012), Tr. 3-9.
34. Ngô Kim Thanh và Lê Văn Tâm (2004), *Giáo trình quản trị doanh nghiệp phần 1*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
35. Văn Thiệu (2002), “Vì sao công ty hợp danh chưa đi vào cuộc sống?” *Tạp chí pháp lý*, số (04/2002), Tr. 6-10.
36. Nguyễn Hợp Toàn (2008), *Giáo trình pháp luật kinh tế*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
37. Tổng cục thống kê (2016), *Tình hình kinh tế – xã hội năm 2016*, <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=16174>, 13/02/2017.
38. Nguyễn Quý Trọng và Nguyễn Phụng Dương (2015), “Công ty Luật hợp danh – công ty đối nhân đặc thù”, *Tạp chí Luật học*, số (7/2015), Tr. 52-59.
39. Trần Trí Trung (2012), “Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chế định tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp”, *Tạp chí khoa học đại học quốc gia Hà Nội Luật học*, số (28/2012), Tr. 63-68.
40. Bùi Anh Tuấn (2009), *Giáo trình hành vi tổ chức*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
41. Võ Thị Tuyết (2013), *Tổ chức quản trị*, <https://voer.edu.vn/c/to-chuc-quan-tri/4dbdd6c5/e4e42186>.
42. Vũ Đặng Hải Yến (2004), “Hướng hoàn thiện pháp luật liên quan đến công ty hợp danh ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số (3/2004), Tr. 59-64.
43. Vũ Đặng Hải Yến (2010), “Hoàn thiện pháp luật về công ty hợp danh ở Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số (9/2010), Tr. 70-76.
44. Jean-Claude Ricci (2001), *Introduction à l'étude du droit*, Hachette, 2001-2002.
45. Law School Resources (2005), Agency & Partnership, <http://legal.ucan.us>.
46. QuickMBA (2007), Law and Business, <http://www.quickmba.com/law>.
47. Haman, Edward A., (2004), *The complete partnership book*, 3rd edition, Sphinx Publishing.